

CƯ - SĨ VẤN ĐÁP

Tôi hết lòng làm lễ Tam-bảo (*Namatthuratanattayassa*)

VẤN.— Tiếng cận-sự nam (*Upasaka*) cận-sự nữ (*Upasika*) nghĩa như thế nào ?

ĐÁP.— Cận-sự nam, cận-sự nữ nghĩa là người vào gần đến Tam-bảo, nương theo Tam-bảo.

VẤN.— Qui-y có mấy ? là cái chi ?

ĐÁP.— Qui-y (1) có ba : là Phật, Pháp, Tăng.

VẤN.— Tam qui chia theo tên có mấy ?

ĐÁP.— Tam qui chia theo tên có hai : thánh qui và phàm qui.

VẤN.— Thánh qui như thế nào ? nói về mấy hạng người ?

ĐÁP.— Thánh qui là qui, thấy pháp « Tứ-diệu-đế » (2) dứt trừ phiền não, lấy Niết-Bàn làm cảnh giới, là nơi về của các bậc thánh như, như là bậc Tu-đà-huờn.

VẤN.— Phàm qui như thế nào ? về hạng người nào ?

ĐÁP.— Phàm qui chỉ mới vừa được đè nén phiền não như dùng đức của Phật làm cảnh giới, là nơi về của người phàm có đức-tin về sự hiểu thấy phải, có đức-tin là gốc, làm cho sự hiểu biết ngay trong 10 cách làm phước (*punnakiriyavatthu*), như thế gọi là phàm qui.

(1) Qui y nghĩa là trở về, là nương theo hay là tu theo.

(2) Tứ diệu-đế là 4 điều thiết khổ, như sanh khổ là lòng ham muốn, nơi dứt khổ là Niết-Bàn, đường đi đến nơi hết khổ là Bát-chánh-đạo

VẤN.— Qui y có mấy cách, là cái chi ?

ĐÁP.— Qui y có 4 cách, là :

1.— Phú thác mạng sống đến Tam-bảo (attasanniyatana).

2.— Nương theo Tam-bảo kể từ này về sau (tapparayana).

3.— Dâng mình làm đệ-tử Tam-bảo (sissabhavupagamana).

4.— Tư cách tôn trọng sùng bái Tam-bảo (panipatana).

VẤN.— Cả 4 cách qui y ấy, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Giải như vậy :

1.— « Phú thác mạng sống đến Tam-bảo ».

(Attasanniyatana) là phải nguyện : « Tôi xin phú thác (1) sanh mạng tôi đến đức Phật, đức Pháp, và đức Tăng, kể từ ngày nay » (ajja adim katva aham attanam buddhassa, dhammassa sanghassa niyyademi) như thế gọi là attasanniyatana.

2.— « Nương theo Tam-bảo kể từ này về sau » (tapparayana) là phải nguyện : « Kể từ đây, tôi xin nương theo đức Phật, kể từ đây, tôi xin nương theo đức Pháp, kể từ đây tôi xin nương theo đức Tăng ». Xin ngài ghi nhớ tôi là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, kể từ này về sau (ajja adim katva buddhapparayano, dhammaparayano sanghapparayano).

(1) Phú thác là gởi mình.

3.— « *Dâng mình làm đệ-tử Tam-bảo* » (Sissabhāvupagamana) là phải nguyện : « Tôi là đệ-tử đức Phật, đệ-tử đức Pháp, đệ-tử đức Tăng, xin ngài ghi nhớ tôi là đệ-tử, kể từ ngày nay về sau (ajja adim kotva aham buddhassa, antevāsiko, dhammassa antevāsiko, saṅghassa antevāsiko).

4.— « *Tư cách tôn trọng sùng bái Tam-bảo* » (pañipatanasaraṇagamana), là phải nguyện : « Tôi xin tôn trọng sùng bái và nghinh tiếp Tam-bảo nhưt là đức Phật » (ajja adim katva aham abhivādanam paccuppatthānam añjalikammam samicikammam buddhā dīnamyevatinnaṃ vatthunam karomi).

VẤN.— Phải có đủ cả 4 cách qui y ấy mới được gọi là qui y, hay là có một trong bốn cách ấy cũng được ?

ĐÁP.— Có một trong bốn cách ấy cũng được.

VẤN.— 4 cách qui y ấy có quả báo giống nhau hay là khác nhau ?

ĐÁP.— Có quả báo giống nhau, không khác.

VẤN.— Tư cách tôn trọng sùng bái (pañipātana) chỉ có một cách hay là có thêm nữa ?

ĐÁP.— Chia ra có bốn cách nữa, là :

1. Tôn trọng vì tính rằng « Đức Phật là thân quyến, dòng dõi thanh cao (natipānīpata).

2. Tôn trọng vì sợ oai lực của đức Phật (bhayapañipata).

3. Tôn trọng vì cho đức Phật là thầy, (acariyapaṇipata).

4. Tôn trọng vì tính rằng đức Phật là bậc thanh cao đáng nương dựa (dakkhiṇeyyapaṇipata).

VẤN.— 4 cách tôn trọng sùng bái ấy, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Giải như vậy :

1.— Tôn trọng, tính rằng : đức Phật này là thân quyến dòng dõi thanh cao, ta nên tôn trọng.

2.— Tôn trọng rằng : đức Phật có nhiều thần lực, nếu ta không tôn trọng sùng bái ta phải bị hư hại vì bất cứ một lẽ gì.

3.— Tôn trọng, tính rằng : đức Phật này khi còn ở địa-vị Bồ-tát, Ngài có dạy bảo ta các nghề nghiệp, nay ngài được giác ngộ làm Phật, ta cần phải tôn trọng Ngài.

4.— Tôn trọng, tính rằng : đức Phật này là bậc thanh cao đáng thọ lãnh vật dụng của thí chủ tín lý hơn quả đem đến dâng cúng, người nào đã cúng dường rồi thì được khỏi vòng khổ nảo.

Trong 4 cách tôn trọng ấy, chỉ có cách thứ 4 làm cho phép qui y được kết quả thôi.

VẤN.— Phép qui y bợn như có mấy điều ?

ĐÁP.— Phép qui y bợn như có 3 điều, là :

1.— Không biết Phật, Pháp, Tăng, có đức như thế nào (aññaṇa).

2.— Nghi ngờ Tam-bảo, (samsaya).

3.— Hiểu sai Tam-bảo (micchānanadassana).

Không dứt Tam-qui, nhưng Tam-qui không được tỏ rạng, cận-sự nam không được nhiều phước báo.

VẤN.— Thánh qui có bợn như chẳng ?

ĐÁP.— Thánh qui không bao giờ bợn như.

VẤN.— Phép qui y dứt do mấy điều ?

ĐÁP.— Phép qui y dứt do hai điều.

1. dứt mà có tội (savajjoca).

2. dứt mà không có tội (anavajjoca).

VẤN.— Dứt mà có tội, như thế nào ?

ĐÁP.— Người đã thọ Tam qui rồi, trở lại nương theo ngoại đạo, hủy báng, nhưt là đức Phật, gọi là dứt tam y có tội.

VẤN.— Thế nào là dứt mà không có tội ?

ĐÁP.— Dứt mà không có tội, là dứt vì chết.

VẤN.— Thánh qui, có dứt không ?

ĐÁP.— Thánh qui không bao giờ dứt.

VẤN.— Vì sao thánh qui không dứt, không bợn như ?

ĐÁP.— Vì bậc Thinh-văn, dầu là thoát sanh trong cõi nào, không có Phật-Pháp, các ngài cũng chẳng tin theo tôn giáo khác, dầu có tai nạn đến đời hại mình, các ngài cũng chẳng bỏ các đức lành của mình ; cho nên gọi thánh qui không bao giờ dứt, không khi nào bợn như.

VẤN.— Phép qui y có mấy chi ?

ĐÁP.— Có 3 chi :

1.— đức-tin (saddhā).

2.— trí-tuệ (pañña).

3. thí mạng (jīvitapariccaga) là thà bỏ mạng không đành là pháp.

VẤN.— Thế nào gọi là giới của cận-sự nam (1) ?

ĐÁP.— Ngũ giới, gọi là giới của cận-sự nam.

VẤN.— Bát-giới, là giới của ai, nếu ngũ giới là của cận-sự nam ?

ĐÁP.— Bát giới, cũng là giới của cận-sự nam nhưng thọ trì có hạn kỳ.

VẤN.— Sự nuôi mạng của cận-sự nam cận-sự nữ, như thế nào ?

ĐÁP.— Sự nuôi mạng của cận-sự nam, cận-sự nữ, là phải dứt bỏ 5 nghề buôn bán, không nên.

VẤN.— 5 nghề buôn không nên, như thế nào ?

ĐÁP.— 5 nghề buôn không nên, là :

1.— buôn khí giới (satthavanijjā).

2.— buôn người (sattavanijjā).

3.— buôn thịt, là nuôi thú rồi đem bán (mamsavanijjā).

(1) chỗ nào, chỉ có nói « cận-sự Nam » nên hiểu ngầm rằng : có cận-sự nữ nữa.

4.— buôn vật say (rượu) (majjavanijja.)

5.— buôn thuốc độc (visavanijja).

Cả 5 nghề ấy, cận-sự nam, cận-sự nữ không nên làm.

VẤN.— Vì sao, không nên buôn khí giới ?

ĐÁP.— Vì là vũ khí để giết chúng sanh (người và thú) bởi cận-sự nam, cận-sự nữ là người không sát sanh.

VẤN.— Vì sao không nên buôn người ?

ĐÁP.— Vì người có dòng dõi đồng nhau, không nên làm cho thấp hèn.

VẤN.— Vì sao không nên buôn thịt ?

ĐÁP.— Vì là duyên có giết hại chúng sanh.

VẤN.— Vì nguyên nhân nào, buôn thuốc độc không được ?

ĐÁP.— Vì là vật độc.

VẤN.— Vật say là rượu, vì sao cũng cấm nữa ?

ĐÁP.— Vì là nguyên nhân làm cho mất trí nhớ của người.

VẤN.— Sự hư hại của cận-sự nam, cận-sự nữ, như thế nào ?

ĐÁP.— Nhứt là sự phá giới và sự nuôi mạng sai.

VẤN.— Hư hại của cận-sự nam có mấy thứ ?

ĐÁP.— Có 5 thứ.

1.— Cận-sự nam không có đức-tin (asaddhohoti).

2.— Cận-sự nam không có giới (dussīlohōti).

3.— Cận-sự nam là người không quyết định (Kotuhalamangalikhohoti).

4.— Cận-sự nam tin tà thuyết, không tin nhơn-quả (mangalampaccetinokammam).

5.— Cận-sự nam tin người ngoài Phật Pháp (itoca bahiddha dakkhineyyam gavesati).

VẤN.— Cận-sự nam không có đức tin, tại sao cũng thành người cận-sự nam được, vì cận-sự nam phải có đức tin làm gốc ?

ĐÁP.— Trước có đức-tin thiệt, sau trở lại không có đức-tin, cho nên gọi là hư hại.

VẤN.— Phá giới, như thế nào ?

ĐÁP.— Phá giới là nói về người không giữ giới hoặc có giới mà dứt giới, đều gọi là phá giới cả. Phá giới gọi là : « Nisilo » hoặc « Asilo » nghĩa là « người không có giới ».

VẤN.— Tin tà thuyết (1), không tin nhơn quả, như thế nào ?

ĐÁP.— Tin, chấp rằng tháng này tốt, tháng này xấu v... v... hoặc tin rằng ông này bà kia cho tội, phước, không tin nhơn quả.

VẤN.— Thế nào gọi là tìm bậc (2) đáng thọ lãnh của tín-thí tin lý nhơn-quả, ngoài Phật giáo ?

ĐÁP.— Tìm người ngoài đạo Phật, là tìm kẻ tự xưng mình là bậc đáng thọ lãnh của tín-thí tin lý nhơn quả đem đến dâng cúng, ngan hàng với Phật.

(1) Tà-thuyết là lý-luận không đúng theo chơn lý.

(2) Bậc ngan hàng thành-nhơn trong Phật, Pháp.

giáo, nếu nỡ rời nào cho vật chi, phải đẽa dâng cúng trong hắc (1) đúng đắn mới thọ lãnh. Cho nên trong điều học « người tu đạo lửa-thề » (acelakasikkhapada) đức Phật cấm không cho tỳ-khuru tự tay mình thí vật chi đến người tu đạo lửa-thề và ngoại đạo, nếu cho phạm tội Ứng-đối-trị. Có ấy, cận-sự nam nào tìm kẻ ngoại đạo (2) gọi là hư hại, không phải là người tu trong Phật-giáo.

Cận-sự nam có 1 trong 5 điều hư hại ấy, gọi là cận sự nam hư hại dễ duôi (candaupasaka), cận-sự nam có pháp bợn nhờn (malaupasaka), cận-sự nam mà đức Phật chê trách (patikitthaupasaka).

VẤN.— Thanh-lợi của cận-sự nam, như thế nào ? Có mấy thứ ?

ĐÁP.— Thanh-lợi của cận-sự nam, ấy là nói về giới và sự nuôi mạng, có 5 thứ, là :

1. — Cận-sự nam có đức-tin (saddhohoti).
2. — Cận-sự nam có giới (silavahoti)
3. — Cận-sự nam quyết định (Nakotuhalamangalikohti).
4. — Cận-sự nam chỉ tin nhơn-quả, không tin tà-thuyết (kammam pacceti nomangalam).
5. — Cận-sự nam không tìm người tự xưng mình là bậc đáng thọ lãnh của tín-thí tin lý nhơn-quả, ngoài Phật-giáo, chỉ tôn trọng sùng bái các hàng tu Phật,

(1) Trong hắc là thi chủ phải vào ngồi xa vị tỳ-khuru trong 1 hắc 1 gan hoặc gần hơn chút ít rồi dâng cúng.

(2) Tìm kẻ ngoại đạo nghĩa là tìm tin kẻ ấy ngan hàng với người tu Phật và đáng thọ lãnh của tín thí tin lý nhơn-quả đem dâng cúng.

(naito bahiddhā dakkhiṇeyyam kavesati idhaca pubba-kāram karoti).

Cận-sự nam có đủ 5 điều ấy gọi là cận-sự nam quý báu (Rotanaupasaka), cận-sự nam như hoa sen (padumaupasaka) cận-sự nam như hoa sen trắng (pundarikaupasaka), Đức Phật cho 3 hiệu ấy vì có đức tánh như đã giải.

VẤN.— Cái chi thật là giới ?

ĐÁP.— Tác ý thật là giới, đúng theo Phật ngôn rằng : « Cetanaṃ ham bhikkhave sīlaṃ vadāmi », nghĩa là : nầy các Tỳ-Khưu ? Như-lai gọi tác ý chừa cái thật là giới.

VẤN.— Tác ý chừa cái phát sanh giới có mấy ?

ĐÁP.— Tác ý chừa cái, cho phát sanh giới ấy có 3 thứ :

1.— Chừa cái đầy đủ (sampattavirati).

2.— Chừa cái vì tác ý thọ trì (samānavirati).

3.— Chừa cái vì dứt bỏ (samucchavirati).

VẤN.— Tác ý chừa cái đều đủ như thế nào ?

ĐÁP.— Chừa cái đều đủ là : Chúng sanh có thể giết được mà không giết, của cải có thể trộm được mà không trộm, vợ con người có thể hành dâm được mà không hành dâm, lời có thể dối được mà không dối, rượu có thể uống được mà không uống.

Cả 5 điều ấy đã đến trước mặt rồi mà cũng không làm cho sai, sợ có điều oan trái trong ngày sau, như thế gọi là tác ý chừa cái.

VẤN.— Chừa cái vì tác ý thọ trì như thế nào ?

ĐÁP.— Chừa cái vì tác ý thọ trì nơi Tỳ-Khưu,

Sadi, hoặc nơi cư-sĩ đã thọ trì giới trước mình. Nếu gặp 1 trong 5 điều oan trái (pañcavera) không dám làm sai, sợ dứt giới, như thế, gọi là chừa cái vì tác ý thọ trì.

VẤN.— Chừa cái vì dứt bỏ như thế nào ?

ĐÁP.— Chừa cái vì dứt bỏ phiền-não, khi thánh-đạo phát sanh lên, giới cũng phát sanh chung trong một thời ấy, phiền-não cũng dứt, như thế, gọi là chừa cái vì dứt bỏ.

VẤN.— Tác ý cho phát sanh giới, do pháp chi hộ trợ, có mấy thứ ?

ĐÁP.— Tác ý cho phát sanh giới do 2 pháp, là :

1.— hổ thẹn tội lỗi (hiri).

2.— ghê sợ tội lỗi (attappa).

2 pháp ấy hộ-trợ, nâng đỡ làm cho giới phát sanh lên được.

VẤN.— Có người trì giới trong sạch đến trọn đời, có người mới giữ được không lâu rồi dứt giới, vậy hổ thẹn và ghê sợ đi đâu đi, không giúp đỡ che chở người ?

ĐÁP.— Hổ thẹn và ghê sợ không đi đâu, song vì thế lực thân cận cùng bạn dữ là nguyên nhân làm cho người hành theo bạn dữ ; dắc dần cho hư hoại điều lợi ích đã phát sanh lên. Còn được giữ giới đến trọn đời, là nhờ thế lực thân cận cùng bạn lành, có ấy, đức Phật cấm ngăn không cho gần kẻ dữ, dạy phải nên giao thiệp cùng hàng thiện-trí-thức.

VẤN.— Dứt giới do mấy nguyên nhân ?

ĐÁP.— Do hai nguyên nhân :

1.— dứt có tội vì hành sai một điều - học nào (sāvajjoca)

2.— dứt không có tội vì chết (anāvajjoca).

VẤN.— Thọ trì có mấy phép ?

ĐÁP.— Có hai phép :

1.— thọ trì chung (ekajjhasamādāna).

2.— thọ trì riêng (paccekasamādāna).

VẤN.— Thọ trì chung, như thế nào ?

ĐÁP.— Thọ trì tất cả điều học, như nói :

« Tôi xin thọ trì 5 giới, hay là 8 giới », không nói : sát sanh, trộm cắp..., như thế, gọi là thọ trì chung (ekajjhasamādāna).

VẤN.— Thọ trì riêng, như thế nào ?

ĐÁP.— Thọ trì riêng là nói ngay, riêng mỗi một điều-học cho đến hết, như thế, gọi là thọ trì riêng (paccekasamādāna).

VẤN.— Thọ trì chỉ có hai phép ấy, hay là còn nữa ?

ĐÁP.— Chia ra có 3 phép thêm nữa :

1.— thọ trì bậc thấp (hīnasamādāna)

2.— thọ trì bậc trung (majjhimasamādāna)

3.— thọ trì bậc thượng (pañītasamādāna)

VẤN.— Thọ trì bậc thấp, như thế nào ?

ĐÁP.— Thọ trì vì : muốn chanda, tâm citta, tấn viriya, suy xét vimamsa (1) (adhipatidhama) nếu cả 4 pháp ấy thấp hèn thì giới cũng thấp hèn, hoặc vì tâm sự ham muốn (taṇhā) tà-kiến (ditthi) và kiêu-hãnh (mana)

nhập vào khuấy rối làm cho tâm bợn-nhơ, vì thiếu trí tuệ (nanavippayutta) như thế, gọi là thọ-trì thấp hèn.

VẤN.— Thọ trì bậc trung, như thế nào ?

ĐÁP.— Thọ-trì vì : muốn, tâm, tinh-tấn, suy-xét bậc trung, không bị sự ham-muốn, tà-kiến và kiêu-hãnh nhập vào khuấy rối, nhưng nhờ có người dắt-dẫn (sasankharikaṇana sampayutta), như thế gọi là thọ-trì bậc trung (majjhimasamadāna).

VẤN.— Thọ trì bậc thượng như thế nào ?

ĐÁP.— Thọ trì vì : muốn, tâm, tinh-tấn, suy-xét bậc thượng không bị sự ham muốn, tà-kiến và kiêu-hãnh nhập vào khuấy rối vì có tâm lành, không có người dắt-dẫn (1) (asankharikaṇana sampayutta), như thế gọi là thọ-trì bậc thượng (pamītasamadāna).

VẤN.— Cả 8 điều giới, chia ra về phần tội có mấy thứ ? khác nhau như thế nào ?

ĐÁP.— Chia ra về phần tội có 2 thứ, khác nhau như vậy : Trong 8 điều học có :

1) 5 điều trước thuộc về tội trong đời (lokavajja) dầu thọ trì hay không thọ trì cũng có tội, phải sa vào 4 đường dữ. Nghiệp-báo còn dư lại phải đi thoát sanh làm người, chịu tội khác nhau theo mỗi điều-học mà mình đã phạm.

2) 3 điều sau thuộc về tội Phật cấm (pannathivajjo). Nếu làm sai điều Phật cấm ấy không sa vào 4 đường

(1) « Không có người dắt-dẫn » là tự mình có trí-tuệ suy xét thấy phải, rồi thành tâm làm, không nhờ người nhắc-nhở,

dữ (1), không có oan trái (2) (vera) chỉ không được hưởng phước báo của « bát-quan-trai giới » thôi. Vì điều học này phát sanh do thể lực của « bát-quan-trai » ngoài ngày bát-quan-trai ; không có điều học ấy.

VẤN.— 5 điều-học, có tội khác nhau, vậy khi sa vào cảnh khổ, đi theo điều-học nào trước hay là đi theo thứ-tự, từ sát sanh đi tới ?

ĐÁP.— Phạm điều-học phải sa vào cảnh khổ, nhưng không nhất định, điều-học nào tội nhiều hơn phải đi theo điều-học ấy.

VẤN.— 5 điều-học đức Phật chế ra đối với người nào ?

ĐÁP.— Đức Phật không có chế điều-học đối với người nào cả ; 5 điều-học ấy đã có từ khi đức Phật chưa giác-ngộ, gọi là « thường giới » (nicca sīla) cho nên nói là không cấm chế đối với người nào.

VẤN.— Bát-quan trai-giới, đức Phật thuyết cho người nào ?

ĐÁP.— Ngài thuyết cho Mahānāma là một vị vua về dòng Thích-ca (con nhà chú với đức Thế-Tôn)

VẤN.— Đứt giới có đứt tam qui không ?

ĐÁP.— Đứt giới nếu đứt vì chết, tam qui cũng đứt ; nếu đứt vì phạm điều-học, có khi đứt tam qui, có khi cũng không đứt. Nếu đứt vì hiểu rằng : 5 điều

(1) 4 đường dữ là : địa-ngục, ngạ-quỉ a-tu-la, súc-sanh.

(2) Kiếp trước làm điều oan, kiếp này phải chịu đày đọa kiếp này làm việc ức hiếp, kiếp sau phải bị hành gọi là « oan trái », phạm-ngũ gọi là « vera ».

oan trái ấy không có tội, như thế, gọi là dứt tam-qui. Còn không dứt tam qui là khi phạm điều-học mà còn tin nhờn quả, dứt như thế, gọi là chỉ dứt giới, tam qui còn như thường.

VẤN.— Có sao không dứt tam-qui, nếu giới đã dứt ?

ĐÁP.— Không dứt tam qui, vì thọ tam qui nhờ có đức tin là gốc, nghĩa là còn tin phước tin tội, ví như cây gậy nhánh nhưng gốc rễ vẫn còn đủ. Giới phát sanh do tác ý chừa cái chỉ có hư sự chừa cái thôi, giới và tam qui, tâm sở (1) khác nhau, như đã có giải.

VẤN.— Vậy dứt tam qui, dứt giới hay là không dứt ?

ĐÁP.— Dứt tam qui, giới cũng dứt, vì tam qui là gốc rễ, nếu đã hết tin nhờn quả rồi, giới còn thế nào được.

VẤN.— Ngoài Phật-giáo khi đức Phật chưa giác ngộ, có giới chăng ?

ĐÁP.— Ngoài Phật-giáo khi đức Phật chưa giác ngộ, cũng có giới vậy.

VẤN.— Vậy, nói dứt tam qui, thì dứt giới, vậy ngoài Phật-giáo, không có tam qui, có sao lại nói có giới ?

ĐÁP.— Trong Phật-giáo, nếu đã thọ tam qui rồi, trở lại bỏ tam qui, thì giới cũng dứt vì đã hết tin nhờn quả rồi. Còn nói không có tam qui mà còn giới, ấy là đối với thời-gian ngoài Phật-giáo, không có Phật, Pháp, Tăng chỉ có chừa cái 5 điều oan trái thôi, cho nên nói : cũng có giới vậy.

(1) Tâm sở có giải trong kinh abhidharma.

VẤN.— Giới không tà-tâm và không thông-dâm khác nhau như thế nào ? đã nói không tà-dâm còn thêm không thông-dâm nữa ?

ĐÁP.— Không tà-dâm đối với 20 hạng phụ-nữ (1) ; không thông dâm phải xa lánh cả 30 khiểu (2), trong một ngày một đêm ; không tà-dâm xa lánh luôn, trừ ra vợ chồng.

VẤN.— Một người với nhiều người xin thọ giới cách nào cao thượng hơn ?

ĐÁP.— Xin một người hoặc xin nhiều người chỉ do nơi sự lành, chẳng phải vì chỗ xin.

VẤN.— Giới phát sanh nơi người cho hay nơi người xin ?

ĐÁP.— Giới phát sanh nơi người thọ, có thọ, có hiểu rồi chừa cải đều đủ các điều-học thì giới mới phát sanh.

VẤN.— Nếu phát sanh nơi người thọ, vậy cần gì phải đi xin nơi bậc xuất-gia thêm nữa ?

ĐÁP.— Phải đi thọ nơi các bậc xuất-gia cho có sự tôn kính đến tam-quí và được các điều phước-báo, không cho sự dễ-duôi phát khởi và cho tâm thuần-thục được nghe lời chỉ giáo của bậc trí-tuệ, cho nên cần phải đi thọ nơi các ngài mới được.

VẤN.— Thế nào gọi là hành bát - quan - trai ?

(1) 20 hạng phụ-nữ là những phụ-nữ có người gìn-giữ (có cha, có mẹ, có chồng, có anh, có em, có bạn, có người đi nói, có bà con, có chủ vãn. vãn...)

(2) Xem 30 khiểu trong luật tu xuất-gia có giải rõ.

Thế nào gọi là thời bát-quan-trai ? Thế nào gọi là giới bát-quan-trai ?

ĐÁP.— Hành bát-quan-trai là việc phải làm trong ngày bát-quan-trai như là thọ tam qui. ; còn thời bát-quan-trai là hạn kỳ bát-quan-trai, là định ngày phải thọ trì bát-quan-trai, như ngày mùng 5, 8, 14, rằm. . . . một tháng có 8 ngày ; giới bát-quan-trai là 8 giới như đã có giải.

VẤN.— Bát-quan-trai có mấy ?

ĐÁP.— Có 2 là : 1. bát-quan-trai (trong một tháng có 8 ngày).

2. bát quan-trai (giữ luôn ngày rước và ngày đưa).

Bát-quan-trai có hạn kỳ ngay và cách thọ trì khác nhau, như đã có giải đều đủ trong luật tu cư sĩ rồi, đây không cần phải giải thêm nữa.

VẤN.— Bát-quan-trai có 2 thôi hay là có thêm nữa ?

ĐÁP.— Có 3 thêm nữa, là :

1.) Giữ bát-quan-trai như kẻ chăn bò (gopālauposatha).

2.) Giữ bát-quan-trai như kẻ ngoại đạo (niganthauposatha).

3.) Giữ bát-quan-trai để trừ phiền-não (ariyaposatha).

VẤN.— Như thế nào gọi là giữ bát-quan-trai như kẻ chăn bò ?

ĐÁP.— Thọ trì bát-quan-trai như người chăn bò là : Người chăn bò đuổi bò đến nơi có nước, có cỏ, rồi chỉ chờ cho đến giờ đuổi bò về giao cho chủ, chỉ mong đòi tiền mướn thôi, thế nào, người giữ bát-quan-trai trông cho hết ngày bát-quan-trai để chực ăn uống và thọ hưởng ngủ-dục theo ý muốn như ngày trước, như thế gọi là « thọ trì bát-quan-trai như kẻ chăn bò (gopāla uposatha).

VẤN.— Như thế nào gọi là bát-quan-trai như kẻ ngoại đạo ?

ĐÁP.— Bát-quan-trai của kẻ ngoại đạo có định chỗ : như chừa cái không sát sanh ở hướng đông xa 100 do-tuần, ở hướng nam xa 100 do-tuần, ở hướng bắc xa 100 do-tuần, như thế gọi là bát-quan-trai của kẻ ngoại đạo, bát-quan-trai như thế không có phước báo đâu.

VẤN.— Như thế nào, gọi là bát-quan-trai để dứt trừ phiền não ?

ĐÁP.— Thọ trì bát-quan-trai để dứt trừ phiền-não làm cho tâm trong sạch.

VẤN.— Bát-quan-trai dứt trừ phiền não có chia ra nữa chăng ?

ĐÁP.— Chia ra nữa, có 6 phép :

- 1.) Phật bát-quan-trai (brahmuposatha).
- 2.) Pháp bát-quan-trai (dhammuposatha).
- 3.) Tăng bát-quan-trai (sanghuposatha).
- 4.) Giới bát-quan-trai (sīluposatha).
- 5.) Chư thiên bát-quan-trai (devatuposatha).
- 6.) Thánh tinh-văn bát-quan-trai (arahantuposatha).

VẤN.— Phật bát-quan-trai, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Bát-quan-trai dùng đức của Phật làm cảnh giới, như chọn lấy 1 trong 9 hiệu (araham. . . . bhagava) của Phật để niệm giữ trong tâm, cho đặng dứt trừ phiền-não.

VẤN.— Pháp bát-quan-trai, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Dùng đức của Phật làm cảnh giới, như dùng Svakkhato vinnuhi, một hiệu nào để niệm tưởng trong 4 oai-nghi.

VẤN.— Tăng bát-quan-trai, như thế nào ?

ĐÁP.— Dùng đức của Tăng làm cảnh giới, như dùng supatipanno lokassa, dùng một hiệu nào để niệm tưởng trong tâm.

VẤN.— Giới bát-quan-trai thọ trì như thế nào ?

ĐÁP.— Nhớ đến giới mà mình đã thọ trì rồi không dứt, không bợn nhơ, không lũng bễ cho thiên-định được phát sanh lên vì giới trong sạch, tâm được an-vui, không nóng nảy, như thế gọi là giới bát-quan-trai.

VẤN.— Chư-thiên bát-quan-trai, thọ trì như thế nào ?

ĐÁP.— Tưởng nhớ đến đức Pháp đem người đi thoát sanh lên 6 cõi trời dục-giới, do đức tánh chi ? nhớ thấy rằng : « khi còn ở cõi người có tu 5 đức : « tin, giới, nghe, thí, tuệ, ». Có đủ 5 đức tánh ấy mới sanh làm chư thiên được. Nhớ được như thế rồi, cố gắng hành bát-quan-trai cho được tiến hóa lên tột bậc (bhiyyobhāba) như thế gọi là chư thiên bát-quan-trai (devatuposatha).

VẤN. — Thánh thính-văn bát-quan-trai thọ trì như thế nào ?

ĐÁP. — Chư thánh thính-văn thọ trì bát-quan-trai, dứt bỏ điều oan trái đến trọn đời, không trở lại làm những điều đã dứt bỏ ấy nữa, như thế gọi là thánh thính-văn bát-quan-trai (arahantuposatha).

Trong 6 phép bát-quan-trai ấy, thánh thính-văn bát-quan-trai có nhiều quả, có nhiều phước.

VẤN. -- Bát-quan-trai dứt, do mấy nguyên nhân ?

ĐÁP. — Do 2 nguyên nhân :

1.) dứt vì có tội (savajjoca), do hành sai điều-học.

2.) dứt không có tội (anavajjoca), vì chết.

VẤN. — Cả 8 điều học ấy, điều học nào có tội, điều học nào không có tội ?

ĐÁP. — Điều học nào kể vào trong tội đời (lokovajja) có tội trong kiếp hiện tại, và có tội phải sanh trong 4 đường dữ ; điều học kể vào trong điều Phật cấm (pannattivajja) có tội, chỉ không được quả báo trong sự thọ trì bát-quan-trai thôi.

* * *

VẤN. — Đức tánh của cận sự nam như thế nào ? Có mấy thứ ?

ĐÁP. — Đức tánh của cận-sự nam có 10 thứ.

1.) Cận-sự nam là người cùng chia sự vui, khổ với Tỳ-khưu-Tăng (sanghena saddhimsamana sukha dukkha hoti) nghĩa là nếu Tỳ-khưu-Tăng có sự vui

thì cùng vui với, Tỳ-khưu-Tăng có sự khổ cũng chia buồn với nhau.

2.) Cận-sự nam có nghiệp thân và nghiệp khẩu đã gìn giữ được chơn chánh (kayi kavacasikanca surak-khitam hoti).

3.— Cận sự nam lấy Pháp làm trọng là khi làm việc chi hăng lấy Pháp làm lớn, làm gốc, làm mẫu không cho sai, không bỏ Pháp (dhammo adhipateyyo hoti).

4.— Cận sự nam là người vui thích trong sự bố-thí theo sức mình, là làm việc bố thí tùy theo của cải ít hay nhiều, có ít làm ít, có nhiều làm nhiều, không bị sự rít-róng bõn-sẽn đè nén (yatha thamena samvi-bhaga ratova hoti).

5.— Cận sự nam, tinh-tấn học hỏi cho thông rõ Phật-giáo là lời dạy bảo của Đức Thế-Tôn (jina sasanam janituncavayamati).

6.— Cận sự nam là người chánh kiến, có trí tuệ thấy hiểu đúng theo chơn-ly (sammaditthikova hoti).

7.— Cận sự nam xa lánh không tin tà thuyết và là người không cố chấp tin rằng : người có tà-thuật cho tội phước được, chỉ tin lý nhưn-quả (apagato kotuhalamangalikova hoti).

8.— Cận sự nam, dầu có tai nạn đến nỗi hại mình, cũng không bỏ Tam-bảo, trở dùng người khác làm thầy, làm nơi nương dựa, quý trọng hơn Tam-bảo (jivitahetupi annam sattharam nauddisati).

9.— Cận sự nam vui thích trong phép hòa hợp (samaggaramo va hoti).

10.— Cận sự nam tu hành chơn-chánh trong Phật-giáo, là chỉ làm theo luật pháp của Phật (sasane carati).

10 đức tánh ấy, cận-sự nam, cận-sự nữ cần phải thiệt hành theo không nên dề-duôi, vì là pháp có thể làm cho tâm của cận-sự nam, cận-sự nữ ở theo thập nghiệp trong sạch và cho có duyên lành với Niết-Bàn.

* * *

VẤN.— Nghiệp của chúng sanh làm có mấy thứ ?

ĐÁP.— Có hai thứ :

- 1.) nghiệp dữ.
- 2.) nghiệp lành.

VẤN.— Nghiệp dữ ấy, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Nghiệp dữ ấy là : nghiệp thân, sự làm của thân có 3 ; nghiệp khẩu, sự làm của miệng có 4 ; nghiệp ý có 3 — Cộng thành 10 nghiệp.

VẤN.— 3 nghiệp thân ấy là, cái chi ?

ĐÁP.— 3 nghiệp thân ấy là :

1.) sát sanh : là tự mình giết loài động vật (paṇtipāta).

2.) trộm cắp : là cướp dặt rình người vô ý, để lấy của (adinnādāna).

3.) tà-dâm : là không phải vợ chồng mà giao-hợp nhau (kāmesumicchācara).

VẤN.— 4 nghiệp khẩu, như thế nào ?

ĐÁP.— 4 nghiệp khẩu là :

1.) nói dối, là nói lời không thiệt « có nói không, không nói có, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy ».

2.) nói hai lưỡi : là đem chuyện người này nói với người kia cho sanh điều lòng méch hờn giận chia rẽ nhau.

3.) nói lời dữ : là chưởi rủa, mắng nhiếc kẻ khác.

4.) nói lời vô ích : là nói những chuyện không có lợi ích, nói chuyện sang đàng.

VẤN.— 3 nghiệp ý, như thế nào ?

ĐÁP.— 3 nghiệp ý, là :

1.) tham tài : là muốn được của người về làm của mình.

2.) sân hận : là oán thù muốn làm hại người.

3.) tà-kiến : là thấy quấy, hiểu lầm rồi chấp là phải.

VẤN.— Thân - nghiệp, thân - ác, và thân - môn giống nhau hay là khác nhau ?

ĐÁP.— Thân-nghiệp : là sự tạo-tác thành tựu do nơi thân ; thân-ác là kể từ khi cầm khí giới giết chết hoặc không chết, gọi là thân ác ; thân-môn là nói về dở tay hay là dở chun lên để đánh đập, đập, đá gọi là thân môn. Thân nghiệp, thân ác và thân môn khác nhau như đã giải.

VẤN.— Thân nghiệp hành do mấy cửa ?

ĐÁP.— Thân nghiệp hành do 2 cửa : cửa thân và cửa miệng.

VẤN.— Hành trong cửa thân, như thế nào ? hành trong cửa miệng như thế nào ?

ĐÁP.— Hành trong cửa thân là : giết hại loài động vật hay là trộm cắp của người hoặc tà-dâm, như thế gọi là thân nghiệp thuộc về cửa thân ; như dạy kẻ khác giết loài sanh vật, ấy là sự hành do thân nghiệp

thuộc về cửa miệng, như thế gọi nghiệp thân về cửa miệng.

VẤN. — Khẩu nghiệp hành được mấy cửa ?

ĐÁP. — Khẩu nghiệp hành được 2 cửa : khẩu nghiệp và khẩu môn.

VẤN. — Nghiệp miệng về cửa miệng, như thế nào ? Nghiệp miệng về cửa thân, như thế nào ?

ĐÁP. — Nghiệp miệng về cửa miệng là nói lời dữ như nói dối, gọi là nghiệp miệng về cửa miệng. Còn nghiệp miệng về cửa thân là như viết thơ có lời dối gạt, hoặc đưa tay lên dối gạt cho người tin, như thế gọi là nghiệp miệng về cửa thân.

VẤN. — Nghiệp ý hành được mấy cửa ?

ĐÁP. — Nghiệp ý hành được 3 cửa là : cửa thân, cửa miệng, cửa ý.

VẤN. — Nghiệp ý hành trong 3 cửa, như thế nào ?

ĐÁP. — Nghiệp ý hành trong 3 cửa như vậy :

Về phần « tham tài » liếc xem của người rồi làm cho thân cử động, cầm lấy của người rồi-rầm coi, về phần oán thù như cầm cây đũa chờ đánh đập. Về phần tà-kiến, hiểu quấy, như nghiêng mình đánh lễ các hạng ngoại đạo cho rằng cao thượng hơn Tam-bảo như thế gọi là nghiệp ý hành trong cửa thân.

Nghiệp ý hành trong cửa miệng là « tham tài » liếc xem của người rồi nói rằng : của này được về ta mới vừa, người không xứng dùng của ấy đâu. Oán thù nói rằng : chúng sanh hãy hư hại đi ; tà-kiến là nói 10 điều sai lầm, như nói : « bố thí không có quả phúc ». Những lời như đã giải ấy gọi là nghiệp ý về cửa miệng.

Nghiệp ý về cửa ý là không làm cho thân và khẩu cử động, chỉ vào ngồi nơi thanh vắng rồi làm cho tâm tham tài, sản hận, tà-kiến phát sanh, như thế gọi nghiệp ý về cửa ý.

* * *

VẤN.— « Tham tài » chỉ về chỗ đã lấy được hay là chỉ tính muốn được, bấy nhiêu thôi, gọi là phá thập nghiệp rồi chưa ?

ĐÁP.— « Tham tài » không cần phải lấy được của, chỉ muốn được của người về cho mình, bằng phương tiện nào, cũng gọi là phá thập nghiệp đầy đủ.

VẤN.— « Tham tài » có mấy chi ?

ĐÁP.— « Tham tài » có hai chi :

- 1.) vật của người khác (parabhandam).
- 2.) tính cho được về phần mình (attanopariṇāmanam).

Đầy đủ 2 chi ấy thì phạm rồi. Vì là nghiệp ý về cửa ý, như đã có giải.

VẤN.— Tà-kiến, chia ra có mấy đoạn ?

ĐÁP.— Tà-kiến chia ra có 3 đoạn :

- 1.) Định tà-kiến (niyatamicchaditthi).
- 2.) Thường kiến (antagāhikaditthi).
- 3.) Thân kiến (sakkayaditthi).

Định tà-kiến là tà-kiến đã quyết định, người đã có tà-kiến ấy, hăng sa vào không gian địa-ngục (lokamtaranaraka) (1) chia ra 3 bực :

(1) Không gian địa ngục là địa ngục ở giữa khoảng không, không có đất chổ.

1.) Ngăn quả (natthikaditthi) nghĩa là hiểu rằng quả của phước và quả của tội không có ;

2.) Ngăn nghiệp (akiriyaditthi) nghĩa là hiểu rằng phước và tội không có :

3.) Ngăn cả quả và nghiệp (alutukaditthi) nghĩa là hiểu rằng phước và tội cũng không có, quả của phước và quả của tội cũng không có.

VẤN.— Ngăn quả, là gì ?

ĐÁP.— Ngăn quả là như bố thí không được phước, cảnh thiên-đàng cũng không có, cõi trời Phạm-thiên cũng không có, chúng sanh chết rồi mất, như thế gọi là ngăn quả (natthi kavitthi) (Lý thuyết này phát sanh do tà-sự tên « ajita »).

VẤN.— Ngăn nghiệp, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Ngăn nghiệp, là nói rằng : sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối gọi là không làm nghiệp dữ. Không làm nghiệp dữ là « vì nguyên chất với nguyên chất làm với nhau » ; chúng sanh cũng là nguyên chất, thân người giết cũng là nguyên chất như nhau, như đốn cây, cây có phước, có tội chi mà đi đầu thai nữa, ấy là cái « thức » thôi, cho nên nói rằng không tội, vì không trúng cái « thức », như thế gọi là ngăn-nghiệp » (akiriyaditthi). (Lý thuyết này phát sanh do tà-sự tên « Purana kassapa »).

VẤN.— « Ngăn cả quả và nghiệp » giải như thế nào ?

ĐÁP.— « Ngăn cả quả và nghiệp » là hiểu rằng : tất cả chúng sanh, sanh ra không có nhân, không

có duyên, dơ nhóm cũng tự nhiên dơ nhóm, trong sạch cũng tự nhiên trong sạch, như cây tốt, cũng tốt tự nhiên, chẳng có phước tội chi làm cho ngay cho vậy, như thế gọi là ngăn cả quả và nghiệp (ahetukaditthi). Lý thuyết này phát sanh do tà sự tên « makkhaligosaḷā ».

Cả 3 tà-kiến ấy ngăn cả đường trời và đường Niết-Bàn.

VẤN.— Thường kiến (antagāhikāditthi) giải như thế nào ?

ĐÁP.— Thường kiến chỉ ngăn đường Niết-Bàn, nhưng không ngăn đường trời.

VẤN.— Thân kiến (sakāyaditthi) giải như thế nào ?

ĐÁP.— Thân-kiến hiểu rằng : trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức là cái thường tồn, vĩnh-viễn, chia ra có 20 thứ, nhưng đây không giải vì là pháp rất vi tế, quá sức thường nhơn — Tà-kiến này, cõi Trời cũng không ngăn, Niết-Bàn cũng không ngăn.

VẤN.— Vì sao, tà-kiến, có thứ ngăn đường trời và đường Niết-Bàn, có thứ chỉ ngăn cõi Niết-Bàn, không ngăn cõi trời, có thứ không ngăn đường trời cũng không ngăn Niết-Bàn.

ĐÁP.— Tà-kiến ví như sỏi hay là đá, nhưng đá cũng có thứ lớn, thứ vừa vừa và thứ nhỏ vậy. Đá lớn nếu liệng xuống nước chắc phải chìm, chẳng có vật chi nâng đỡ nổi, như 3 thứ tà-kiến ấy chắc sa vào đường dữ không sai.

Thứ đá cỡ vừa vừa, nếu để trên bèo hoặc lục bình

trôi trên mặt nước cũng không chìm, như thường kiến (antagahi kaditthi) hiểu thấy rằng thế-gian là thường (cỏi trời dục-giới và cỏi Phạm-thiên) rồi ráng làm phước, tu phép thiên-định cho được thoát sanh trong cỏi ấy cho được an vui, vì cho rằng cỏi ấy là thường. Tà-kiến thiệt, song có quả lành hộ trợ nâng đỡ cho được sanh trong nơi ấy, như cục đá không bị chìm.

Thứ đá nhỏ nhen, nếu dính với nhiều bông có thể bay bổng lên hư không được, như thân-kiến (sakkaya-ditthi) cố chấp thiệt, nhưng ráng làm những điều lành tham-thiền cho đến đắc đạo Tu-đà-huờn mới dứt trừ tà-kiến ấy được.

VẤN.— Thứ tà-kiến nào kể vào nghiệp dữ ?

ĐÁP.— Tà-kiến kể vào 10 nghiệp dữ là 3 thường tà-kiến (niyata miéchaditthi), tà-kiến ngoài ra không kể vào 10 nghiệp dữ đâu.

VẤN.— Vì sao 2 hạng tà-kiến kia không kể vào trong 10 nghiệp dữ ?

ĐÁP.— Không kể vào trong 10 nghiệp dữ vì thứ tà-kiến ấy còn làm phước được.

VẤN.— Trong các nghiệp dữ, nghiệp nào có tội nặng hơn hết ?

ĐÁP.— Tà-kiến có tội nặng hơn hết.

VẤN.— Vì sao, tà-kiến có tội nặng hơn hết nếu chỉ có hiểu sai, bấy nhiêu thôi ?

ĐÁP.— Tà-kiến có tội nặng hơn hết là vì các nghiệp dữ khác, nếu phạm cũng còn có thể làm phước

được, về phần tà-kiến hiểu thấy rằng phước, tội không có, thì có ai làm phước được, chỉ làm tội thôi, chết rồi phải đọa vào không-gian địa-ngục nữa (lokantara-naraka) nên nói là có tội nặng hơn hết, như đã giải.

VẤN.— Làm nghiệp thân, như sát sanh, làm nghiệp khẩu, như nói dối, cả 2 nghiệp ấy có thể cho là nghiệp ý được chăng ?

ĐÁP.— Nếu cho là nghiệp ý cũng được, như sát-sanh hoặc trộm cắp, tà-dâm, nói dối, hiểu thấy rằng không tội, như thế gọi là nghiệp ý chánh-thức. Thiệt, chỉ làm bằng thân, bằng khẩu, song tà-kiến là chủ, tà-kiến đồng là nghiệp ý.

VẤN.— Vậy nghiệp ý, kể vào nghiệp thân, nghiệp khẩu được chăng ?

ĐÁP.— Nếu toàn là nghiệp ý, kể vào nghiệp thân nghiệp khẩu không được.

VẤN.— Vì sao kể không được ? bởi làm nghiệp thân, nghiệp khẩu cũng có tâm trong đó, nếu không có tâm, không sao thành tựu được ?

ĐÁP.— Có tâm thiệt, song tâm trong chỗ này chưa kể là tham tài, thù oán, tà-kiến đâu, chỉ có phát sanh chung với thân và khẩu thôi, vì thân và khẩu lớn hơn, khi tâm nương theo thân thì gọi là nghiệp thân, nếu nương theo khẩu thì gọi là nghiệp khẩu bởi cả 2 nghiệp này được kết quả bằng thân và bằng khẩu, không phải bằng tâm đâu. Nếu tâm chỉ có tính không sao thành nghiệp được.

Về phần nghiệp ý, lấy tâm làm chủ, nếu thân và khẩu ở dưới quyền của tâm như tham-tài, thù oán, tà

kiến phát sanh lên đầu đã làm bằng thân hoặc bằng
khẩu cũng đều gọi là nghiệp ý cả. Ví như tứ đại :
đất, nước, lửa, gió, trong chất đất cũng có nước, lửa,
gió mà người chỉ gọi là đất thôi vì là đất nhiều hơn.
Trong chất nước cũng có đất, lửa, gió, nhưng họ chỉ
gọi là nước, vì nước có nhiều hơn, 4 chất ấy đều như
nhau cả. Bốn chất ấy thế nào, 3 nghiệp kia cũng đều
như vậy.

VẤN.— Sát sanh lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Sát sanh lấy sanh mạng và sắc tướng làm
cảnh giới.

VẤN.— Trộm cắp, lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Trộm cắp lấy chúng sanh và sắc tướng
làm cảnh giới.

VẤN.— Tà dâm lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Tà dâm lấy sắc tướng làm cảnh giới.

VẤN.— Nói dối lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Nói dối lấy chúng sanh và sắc tướng
làm cảnh giới.

VẤN.— Lời dữ, lời đâm thọc lấy chi làm cảnh
giới ?

ĐÁP.— Lời dữ, lời đâm thọc lấy chúng sanh
và sắc tướng làm cảnh giới.

VẤN.— Tham tài, thù oán lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Tham tài, thù oán, cả hai đều lấy chúng
sanh làm cảnh giới.

VẤN.— Tà-kiến, lấy chi làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Tà-kiến lấy sắc tướng làm cảnh giới.

VẤN.— Chúng sanh như thế nào ? Sắc-tướng như thế nào ?

ĐÁP.— Chúng sanh là chỉ về người, sắc-tướng chỉ về vật để dùng và các vật ngoài ra.

VẤN.— Vậy sát-sanh vì có nào lại lấy sanh mạng và sắc tướng làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Sát-sanh lấy sanh mạng và sắc-tướng làm cảnh giới là vì người sát-sanh chỉ đối với mạng sống của chúng sanh, chỉ mong cho chúng sanh chết, như thế gọi là lấy sanh mạng làm cảnh giới, sắc-tướng thì lấy vật giết hại làm cảnh giới của tâm cho nên gọi là sắc-tướng làm cảnh giới.

VẤN.— Trộm cắp, có sao lấy chúng sanh và sắc tướng làm cảnh giới.

ĐÁP.— Trộm cắp, lấy chúng sanh và sắc-tướng làm cảnh giới, chúng sanh tức là chủ, sắc-tướng tức là của cải, kẻ trộm hằng nhớ tưởng sợ e tài gia hay kịp, chỗ này kẻ là cảnh giới, tính tìm của để chỗ nọ nơi kia cho nên kẻ sắc-tướng là cảnh giới.

VẤN.— Tà-dâm, có sao chỉ lấy sắc-tướng làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Tà-dâm chỉ lấy sắc-tướng làm cảnh giới, vì sắc-tướng tức là sự tiếp xúc rõ ràng nhằm ; người tà-tâm chỉ hằng tưởng nhớ sự tiếp xúc là cảnh giới.

VẤN.— Nói dối, có sao, kẻ chúng-sanh và sắc-tướng là cảnh giới ?

ĐÁP.— Nói dối, kẻ chúng sanh và sắc-tướng là cảnh giới, chúng sanh tức là người nghe, sắc-tướng

tức là của cải, người nói dối mong lấy được của người hay là làm cho hư hại của người.

VẤN.— Vậy lời dữ và lời đâm thọc, có sao lại kể chúng sanh là cảnh giới ?

ĐÁP.— Lời dữ và lời đâm thọc mà chỉ kể chúng sanh là cảnh giới, vì người chưởi mắng, đâm thọc chỉ đối với người thôi, không đối với của.

VẤN.— Nói lời vô ích, có sao kể chúng sanh và sắc-tướng làm cảnh giới ?

ĐÁP.— Nói lời vô-ích kể chúng sanh và sắc-tướng là cảnh giới, chúng-sanh tức là người nghe, sắc-tướng tức là câu chuyện.

VẤN.— Tham tài và thù oán, có sao chỉ kể chúng sanh là cảnh giới ?

ĐÁP.— Tham tài và thù oán chỉ kể chúng sanh là cảnh giới, vì tham tài liếc xem của có chủ, thù-oán làm hại đối với người.

VẤN.— Tà-kiến, có sao chỉ kể sắc-tướng là cảnh giới ?

ĐÁP.— Tà-kiến chỉ kể sắc-tướng là cảnh giới vì sắc-tướng chỗ này, đối với sắc-tướng hành trình trong ba cõi là : cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc — Khi tà-kiến còn đến đâu, chúng sanh phải xoay vần trong nẻo luân-hồi không ngừng nghỉ, không cùng tận đến đó.

VẤN.— Nghiệp dữ có mấy thứ, tội như thế nào ?

ĐÁP.— Nghiệp dữ có 5 thứ tội.

1.— Tự mình chê trách mình. (Attapi attanan upavadati).

2.— Bậc trí-tuệ hằng chê trách mình được (anuviccavinnū garahanti).

3.— Có tiếng xấu xa bay đến các hướng (pāpako kittisaddho abbhuggacchati).

4.— Khi sắp chết phải mê loạn quên mình (sammulho kalam karoti).

5.— Đến khi bỏ xác thân sẽ sa vào đường dữ, cảnh khổ, vì có cảnh giới tức là nghiệp ác mà mình đã tạo khi trước, hiện đến ở chò trước cho thấy, trong giờ hấp hối (kayassa bheda marammarāṇa apayaṃ duggatim vitipatam nirayaṃ upapajjati).

VẤN.— Mười nghiệp dữ, nêu kê vào trong ba gốc tội, vậy nghiệp nào, vào gốc tội nào ?

ĐÁP.— Cả mười nghiệp dữ, nêu kê vào trong ba gốc tội ấy, như thế này :

- 1.) Sát-sanh có hai gốc tội : sân và si.
- 2.) Trộm-cắp có ba gốc tội : xan tham sân và si.
- 3.) Tà-dâm có hai gốc tội : xan tham và si.
- 4.) Nói dối có ba gốc tội : xan tham sân và si.
- 5.) Nói dữ có 3 gốc tội như nói dối.
- 6.) Nói hai lưỡi có 3 gốc tội như nói dối.
- 7.) Nói lời vô ích có 2 gốc tội : xan tham và si.
- 8.) Tham tài có một gốc tội : si.
- 9.) Thù oán có một gốc tội : si.
- 10.) Tà-kiến có hai gốc tội : xan tham và si.

VẤN.— Sát sanh có sao kê vào trong hai gốc tội ? vì sao không kê gốc xan tham vào với ?

ĐÁP.— Sát sanh kể vào hai gốc tội : sân và si, vì nếu sân phát sanh lên rồi, si hằng hộ trợ nâng đỡ — Sân nói về chỗ thù oán hại chúng sanh cho chết, cho nên sát sanh có sanh mạng là cảnh giới. Còn trong chi giới cũng phân biệt chỗ chúng sanh chết vậy, mới phạm sát sanh, dầu là đem về ăn hoặc bỏ cũng phạm đầy đủ. Cho nên không kể vào trong gốc xan tham —, chỉ kể vào trong gốc sân và si thôi.

VẤN.— Trộm cắp, kể vào trong 3 gốc tội, vậy trộm cắp khác nhau như thế nào ?

ĐÁP.— Nếu trộm do xan tham cũng có si vào hộ trợ xan tham — chẳng phát sanh một mình được (trộm về nuôi vợ con) ; còn trộm do gốc sân cũng có si giúp vậy, như lén đốt nhà hoặc cướp của đem bỏ vì lòng sân, khác nhau như thế.

VẤN.— Vậy tà-dâm, có sao chỉ kể vào trong gốc tham ?

ĐÁP.— Kể vào trong gốc xan tham, vì xan tham, dịch là tâm quyến luyến với sự tiếp xúc cảnh giới.

VẤN.— Tham tài và thù oán có sao chỉ kể vào trong một gốc tội thôi ? Các nghiệp dữ khác có nghiệp có 2 gốc, có nghiệp có 3 gốc ?

ĐÁP.— Kể vào trong một gốc tội ấy, vì tham tài (abhijjha) thuộc về xan tham, mà thù oán thuộc về sân mà kể một gốc si thêm vào nữa thành hai (với mình).

Thí như người chỉ có một con trâu phải muón của người thêm một con nữa thành hai con cho nên chỉ kể vào trong một gốc tội, như đã có giải.

VẤN.— Tà-kiến có sao không thuộc về gốc si, về phần tham tài, thù oán lại kể vào gốc xan tham và gốc sân ?

ĐÁP.— Tà-kiến và si-mê chẳng phải là một, nghĩa là khác nhau — Tà-kiến không kể vào với si, vì có nghĩa khác nhau. Si nghĩa là phóng túng (uddhacca), hoài-nghi (Vicikiccha); tà-kiến tức là định-kiến (Niyata micchā ditthi), thường kiến (antagāhikaditthi) và thân-kiến (sakkāyaditthi). Song trong thập nghiệp chỉ nói về định-kiến (niyata micchādītthi), Si và tà-kiến khác nhau như thế, cho nên kể vào si không được. Còn về tham-tài (abhiijhā) và thù oán thay đổi với xan tham và sân-hận được. Có ấy phải kể si-mê riêng, khác nhau.

* * *

VẤN.— Nghiệp lành có mấy điều ?

ĐÁP.— Nghiệp lành có mười điều là :

Thân ba, miệng bốn, ý ba.

VẤN.— Ba nghiệp thân như thế nào ?

ĐÁP.— Ba nghiệp thân là :

1.) Tác-ý chừa cải sự sát sanh.

2.) Tác-ý chừa cải sự trộm cắp.

3.) Tác-ý chừa cải sự tà dâm.

VẤN.— Bốn nghiệp miệng như thế nào ?

ĐÁP.— Bốn nghiệp miệng là :

- 1.) Tác-ý chừa cải sự nói dối.
- 2.) Tác-ý chừa cải sự chưởi mắng.
- 3.) Tác-ý chừa cải sự đâm thọc.
- 4.) Tác-ý chừa cải lời nói vô ích.

VẤN.— Ba nghiệp ý như thế nào ?

ĐÁP.— Ba nghiệp ý là :

1.) Không có tâm tính muốn được của người về làm của mình (anabhijjha.)

2.) Không có tâm thù oán muốn làm cho người hư hại (abyapādo).

3.) Hiểu thấy chơn chánh, rồi cho là chơn chánh thiệt (sammaditthi).

Người nào được hành phải, đúng theo mười nghiệp lành, như đã có giải, người ấy sẽ được an vui, tiến-hóa trong kiếp này và kiếp sau, không sai.

- 1.) Pháp (dharma).
- 2.) Phần (kotthasa).
- 3.) Cảnh giới (arammam).
- 4.) Thọ (vedana).
- 5.) Gốc (mūla).

VẤN.— « Pháp » giải như thế nào ?

ĐÁP.— « Pháp » là : trong thập nghiệp chia ra làm hai : bảy nghiệp trước thuộc về tác ý pháp (cetana dharma) vì có tác ý để chừa cải bằng thân và khẩu, 3 nghiệp sau toàn là tác ý (cetana suddha) vì chỉ chừa cải bằng tác ý thôi.

VẤN.— Phần (koṭṭhasa) như thế nào ?

ĐÁP.— Phần (koṭṭhasa) như vậy : 7 nghiệp trước đều là nghiệp rỗng, không kể là gốc, 3 nghiệp sau kể là nghiệp và là gốc nữa, như thế gọi là phần (koṭṭhasa).

VẤN.— « Cảnh giới » như thế nào ?

ĐÁP.— « Cảnh giới » như vậy :

Như sát sanh có sanh mạng là cảnh giới, ví như thánh-đạo có Niết-Bàn là cảnh giới, rồi dứt bỏ phiền não, thế nào, về phần thiện nghiệp như có sanh mạng là cảnh giới, để dứt bỏ trạng thái phá giới, như sát sanh, cũng như thế ấy.

« Cảnh giới » có giải điều đủ trong nghiệp dữ phía trước rồi.

VẤN.— « Thọ » như thế nào ?

ĐÁP.— « Thọ » là như vậy : cả mười nghiệp lành chỉ có hai thọ, là : thọ vui và thọ không khổ không vui (không có thọ khổ).

VẤN.— « Gốc » như thế nào ?

ĐÁP.— « Gốc » là như vậy : 7 nghiệp trước, nếu xa lánh bằng trí-tuệ thì có 3 gốc là : không xan tham (alobha), không sân-hận (adosa), không si-mê (amoha), xa lánh bằng cách không có trí huệ, thì kể có hai gốc là : không xan-tham (alobha) và không sân-hận (adosa). Tham-tài (anabhijjha) xa lánh bằng trí-tuệ kể hai gốc là : không sân-hận (adosa) và không si-mê (amoha) ; xa lánh bằng cách không trí-tuệ kể có một gốc là : không sân-hận (adosa).

Không thù oán cũng như tham-tài (abhijjha) vậy.

Chánh kiến có hai gốc là : không xan-tham (alobha) và không sân hận (adosa).

VẤN.— Chánh-kiến, vì sao không kể là là trí-tuệ (nāna vip̄payutta) ?

ĐÁP.— Không kể là là trí-tuệ, vì chánh-kiến là trí tuệ sẵn rồi, còn kể là là trí-tuệ (nāna vip̄payutta) chi nữa.

Thập-thiện, nếu kể vào giới, thì bảy nghiệp trước thuộc về tác-ý giới (cetasila) có sẵn sự chừa cải (virati) ba nghiệp sau thuộc về tâm sở giới (cetasikasila) vì chỉ xa lánh bằng tâm.

VẤN.— Nghiệp lành, nếu chia làm cửa, giống nhau với nghiệp dữ hay là khác nhau ?

ĐÁP.— Nghiệp lành nếu chia làm cửa, khác nhau như : nghiệp thân hành được 3 cửa, nghiệp miệng hành được ba cửa, nghiệp ý hành được ba cửa như nghiệp ý trong nghiệp dữ vậy.

VẤN.— Nghiệp thân và nghiệp miệng trong nghiệp dữ, vì sao chỉ hành được có hai cửa, về phần nghiệp lành, có nào lại hành được ba cửa, giải như thế nào ?

ĐÁP.— Về nghiệp thân và nghiệp lành giải rằng : nghiệp chừa cải bằng thân, thân nghĩ làm, gọi là nghiệp thân, thuộc về cửa thân, bởi được thành tựu nhờ thân nghĩ bảo người giết ; gọi là nghiệp thân thuộc về cửa miệng nhờ nghiệp thân thành tựu do cửa miệng ; chỉ rải tâm bác-ái đến chúng sanh đều đủ các hướng, gọi là nghiệp thân thuộc về nghiệp ý, hoặc như thọ trì luôn cả thân, khẩu và ý mới thành là giới được : thân cũng đi, khẩu cũng nói, ý cũng tưởng xa lánh điều học, như thế gọi là nghiệp thân hành được ba cửa.

Về nghiệp khẩu hành được ba cửa là : miệng nghĩ nói (như nói dối) gọi là nghiệp miệng thuộc về cửa miệng ; như nghĩ bảo thân viết thơ nói dối, lúc ấy đưa tay lên ; nghiệp khẩu thuộc về cửa thân rồi tâm rải thức bác-ái đến người khác không tính dối gạt kẻ khác gọi là nghiệp khẩu thuộc về cửa ý, hoặc bằng giữ luôn cả thân, khẩu, ý gọi là hành được ba cửa.

Về nghiệp thân và nghiệp khẩu trong nghiệp lành, chỉ ngăn tâm được, cũng như ngăn luôn thân, và khẩu được cả, không lấy chỗ họ biết, nghe.

Về nghiệp dữ, nghiệp nào thành tựu bằng thân, là khi thân đi làm hoặc dạy người làm, mới thành tựu được ; nghiệp thành tựu bằng khẩu là khi miệng nói hoặc bảo người viết mới thành tựu được — Tâm chỉ có tưởng không, không, không kết quả bằng nghiệp thân, nghiệp miệng được, có sự khác nhau như đã giải.

VẤN.— Nghiệp ý lành, hành trong ba cửa như thế nào ?

ĐÁP.— Nghiệp ý lành, hành trong ba cửa, không khác nhau đâu, chỉ một là chừa cải, và một là không chừa cải thôi.

VẤN.— Nghiệp lành có mấy phước báo ?

ĐÁP.— Nghiệp lành có 5 phước báo là :

1.) Tự mình không chê trách mình được (attapi attanam na upavadati).

2.) Bậc trí-tuệ hằng ngợi khen (anuviccavinnū pak-samsanti).

3.) Có danh thơm tiếng tốt đồn xa (kalyāno kitti-saddo abbhuggachati).

4.) Lúc hấp hối không mê loạn, quên mình (asam-
mulho kalam karoti).

5.) Đến khi tan rã ngũ-uẩn sẽ được đầu thai lên
cảnh vui, nghĩa là được về cõi trời (kayassabheda
carammarama sugatim saggam lokam upapajjati).

* * *

VẤN.— Nghiệp chỉ có bấy nhiêu hay là còn có
thêm nữa ?

ĐÁP.— Nếu chia cho rộng ra nữa, có 40 nghiệp
dữ và 40 nghiệp lành.

VẤN.— 40 nghiệp dữ, 40 nghiệp lành chia ra
như thế nào ?

ĐÁP.— Trong mười nghiệp dữ, mỗi một nghiệp
chia ra làm bốn. Bốn là :

Sát sanh có bốn :

1.) Tự mình sát sanh (attana ca panatipati hoti).

2.) Mình rủ hoặc dạy người sát sanh (parañca
panatipate samadapeti).

3.) Mình vui với sự sát sanh (pañā tipate sama-
nunño hoti).

4.) Mình ngợi khen sự sát sanh (panatipatassa ca
vannam bhasiati).

Trộm cắp có bốn :

1.) Tự mình trộm cắp (attana adinnadayi hoti).

2.) Mình dạy người trộm cắp (parañca adinnā dāne samāpeti).

3.) Mình vui với người trộm cắp được (adinnādāne ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong sự trộm cắp (adinnā danassa ca vannaṃ bhasati).

Tà dâm có bốn :

1.) Tự mình tà dâm (attana ca kemesu micchacārī hoti).

2.) Mình rủ kẻ khác tà dâm (parañca kamesumicchācare samāpeti).

3.) Mình vui trong sự tà dâm (kamesumicchācare ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong sự tà dâm (kamesumicchācarassa ca vannaṃ bhasati).

Nói dối có bốn :

1.) Tự mình nói dối (attana ca musāvādo hoti).

2.) Mình rủ người nói dối (parañca musā vāde samāpeti).

3.) Mình vui với người nói dối (musāvāde ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen lời nói dối (musāvādassa ca vannaṃ bhasati).

Nói lời dâm thọc có bốn :

1.) Tự mình nói dâm thọc (attana ca pisunāvaca thoi).

2.) Mình rủ hoặc dạy người nói đâm thọc (parañca pisunavacaya samadapeti).

3.) Mình vui với người nói đâm thọc (pisunāvācāya samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen lời đâm thọc (pisunāvācāya ca vannaṃ bhasati).

...

Chửi mắng có bốn :

1.) Tự mình chửi mắng (attana ca pharusavāca hoti).

2.) Mình rủ hoặc bảo người chửi mắng (parañca pharusavacayasamada peti).

3.) Mình vui với người chửi mắng (pharusavācāya ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen lời chửi mắng (pharusavācāya ca vannaṃ bhasati).

Nói sang-đàng vô ích có bốn :

1.) Tự mình nói chuyện sang-đàng vô ích (attana ca samhappalāno hoti).

2.) Mình rủ người hoặc bảo người nói chuyện sang-đàng vô ích (parañca samhappalape samada peti).

3.) Mình vui với người nói việc hoặc giảng tích vô ích (samhappalape ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen lời sang đàng vô ích (samhappalāpassa ca vannaṃ bhasati).

Tham tài (abhijjha) (1) có bốn :

1.) Tự mình liếc xem toan tính muốn được của người về làm của mình (attana ca abhijjha hoti).

2.) Mình rủ người hoặc bảo người liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (paranca abhijjha samadapeti).

3.) Mình vui với người liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (abhijjhaya ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen tư cách liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (abhijjhaya ca vannaṃ bhasati).

Thù oán có bốn :

1.) Tự mình thù oán người (attana ca byapādo hoti).

2.) Mình rủ hoặc bảo người thù oán kẻ khác (paranca byapade samadapeti).

3.) Mình vui với người thù oán kẻ khác (byapade ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen lời thù oán (byapadassa ca vannaṃ bhasati).

Tà-kiến có bốn :

1.) Tự mình hiểu thấy sai (attana ca micchaditthi hoti).

2.) Mình rủ hoặc bảo người hiểu sai (paranca ditthiya samadapeti).

(1) Liếc xem toan tính muốn được của người về làm của mình.

3.) Mình vui với sự hiểu sai (micchādītthiya ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen sự hiểu sai (micchādītthiya ca vannaṃ bhasati).

* * *

Nghiệp lành chia ra có 40 là :

Không sát sanh có bốn :

1.) Tự mình chừa cải sát sanh (attana ca pana tipata pativirato hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cải sát sanh (paraṅca panatipata veramaṇiya samadapeti).

3.) Mình vui trong sự chừa cải sát sanh (panatipata veramaṇiya ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen tư cách chừa cải sát sanh (panatipata veramaṇiya ca vannaṃ bhasati).

Không trộm cắp có bốn :

1.) Tự mình chừa cải trộm cắp (attana ca adinna dana pativarodo hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cải trộm cắp (paraṅca adinna dana veramaṇiya samadapeti).

3.) Mình vui với người chừa cải trộm cắp (adinna dana veramaṇiya ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen tư cách chừa cải trộm cắp (adinna dana veramaṇiya ca vannaṃ bhasati).

Không tà-dâm có bốn :

1.) Tự mình chừa cái không tà-dâm (attana ca kamesumicchacara pativirato hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cái tà-dâm (parañca kamesumicchacara veramañiya samada peti).

3.) Mình vui trong tư cách chừa cái tà-dâm (kamesumicchacara veramañiya ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong tư cách chừa cái tà-dâm (kamesumicchacara veramañiya ca vannañam bhasati).

Không nói dối có bốn :

1.) Tự mình chừa cái tư cách nói dối (attana ca musavada pativirato hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cái tư cách nói dối (parañca musavada veramañiya samadapeti).

3.) Mình vui với người chừa cái tư cách nói dối (musavada veramañiya ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen tư cách chừa cái nói dối (musavada veramañiya ca vannañam bhasati).

Không nói đâm thọc có bốn :

1.) Tự mình chừa cái nói đâm thọc (attana ca pisunavacaya pativirato hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cái tư cách nói đâm thọc (parañca pisunavacaya veramañiya ca samadapeti).

3.) Mình vui với người chừa cái nói đâm thọc (pisunavacaya veramañiya ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong tư cách chừa cải nói đâm
thọc (pisunavacaya veramaṇiya ca vannaṃ bhasati).

Không chửi mắng có bốn :

1.) Tự mình chừa cải chửi mắng (attana ca pharusavacaya pativirato hoti).

2.) Mình rủ người cho chừa cải chửi mắng (paranca pharusavacaya veramaṇiya ca samadapeti).

3.) Mình vui trong tư cách chừa cải chửi mắng
(pharusavacaya veramaṇiya ca samanunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong việc chừa cải chửi mắng
(pharusavacaya veramaṇiya ca vannaṃ bhasati).

Không nói chuyện sang đàng vô ích :

1.) Tự mình chừa cải tư cách nói chuyện sang đàng
vô ích (attana ca samhappalāpa pativirato hoti).

2.) Mình khuyên người chừa cải tư cách nói chuyện
sang đàng vô ích (paranca samhappalāpa veramaṇiya
samadapeti).

3.) Mình vui trong tư cách chừa cải nói chuyện
sang đàng vô ích (samhappalā veramaṇiya ca sama-
nunno hoti).

4.) Mình ngợi khen trong tư cách chừa cải nói
chuyện sang đàng vô ích (samhappalā veramaṇiya ca
vannaṃ bhasati).

Không tham tài có bốn :

1.) Tự mình không liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (attana ca anabhijjhaya pativirato hoti).

2.) Mình rủ người không cho liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (parañca anabhijjhaya samadapeti).

3.) Mình vui trong tư cách không liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (anabhijjhaya ca samanunño hoti).

4.) Mình nói ngợi khen trong tư cách không liếc xem toan tính muốn được của kẻ khác (anabhijjhaya ca vannaṃ bhasati).

Không thù oán có bốn :

1.) Tự mình không thù oán kẻ khác (attana ca abyapado hoti).

2.) Mình khuyên người không cho thù oán (parañca byapade samadapeti).

3.) Mình vui trong tư cách không thù oán (byapade ca samanunño hoti).

4.) Mình ngợi khen trong tư cách không thù oán kẻ khác (abyapadassa ca vannaṃ bhasati).

Chánh kiến có bốn :

1.) Tự mình hiểu phải (attana ca sammaditthiko hoti).

2.) Mình khuyên người cho hiểu phải (parañca sammaditthiya ca samadapeti).

3.) Mình vui trong tư cách hiểu phải (sammadit̄thiya ca samanun̄no hoti).

4.) Mình ngợi khen trong tư cách hiểu phải (sammadit̄thiya ca vannaṃ bhasati).

* * *

VẤN.— Sự tu hành của cư sĩ còn không ?

ĐÁP.— Sự tu hành của cư sĩ còn nữa.

VẤN.— Còn phải tu chi thêm nữa ?

ĐÁP.— Phải xa lánh 6 đường hư hại và phải làm tròn phận sự ; là :

1.) Con đối với cha mẹ — Cha mẹ đối với con.

2.) Chồng đối với vợ — Vợ đối với chồng.

2.) Tớ đối với chủ — Chủ đối với tớ.

4.) Bạn đối với bạn.

5.) Trò đối với thầy — Thầy đối với trò.

6.) Thiện tín đối với Samôn — Samôn đối với thiện tín.

Và phải làm hai điều hữu ích cho phát sanh.

VẤN.— Sáu điều hư hại (apayamukha) ấy, là điều dạy cư sĩ phải lánh như thế nào ?

ĐÁP.— Sáu điều hư hại ấy ; là :

1.) Tư cách thường uống rượu, là nguyên nhân phát sanh sự dể dôi (suramerayamajjapamadatthanan-nyoga).

2.) Tư cách thường đi chơi theo chỗ gốc hẻm trong lúc sai giờ (vikalavisikhacariyanuyogo).

- 3.) Tư cách đi xem lễ lớn (1) samajjabhicaronaṃ)
- 4.) Tư cách đồ bác (jutappamaḍatthanānuyona)
- 5.) Tư cách thân cận cùng bạn dũ (pāpamittanuyogo).

6.) Tư cách thường ưa sự lười biếng (alassanuyogo). Cả sáu điều hư hại ấy, cận-sự nam, cận-sự nữ chẳng nên làm.

VẤN.— Phận sự con phải đối với cha mẹ như thế nào ?

ĐÁP.— Con phải đối với mẹ cha phải có 5 điều là :

1.) Con phải quyết tâm rằng : ta được mẹ cha nuôi nấng rồi ta phải phụng dưỡng mẹ cha lại (bhato nesam bharissami).

2.) Con phải quyết tâm rằng : khi mẹ cha có việc ta phải hoãn việc của ta lại để làm việc của mẹ cha ta (kiccaṃ nesam karissami).

3.) Con phải quyết tâm rằng : ta phải giữ gìn dòng dõi mẹ cha cho đúng đắn, không cho hư hại nghĩa là không làm cho tiêu tan tài sản của mẹ cha, vì sự vô ích, cùng tiếp độ mẹ cha cho khỏi điều tà kiến và cho được ở theo chánh pháp, không làm cho chướng ngại trong các nghiệp lành nhưt là việc trai-tăng, bố-thí mà mẹ cha đã hành theo chánh pháp rồi (kulavamsam thā pesami).

4.) Con phải quyết tâm rằng : ta phải có tánh nết cho tốt vừa lòng mẹ cha đáng cho mẹ cha chia sót tài sản cho (dayajjam patipajjami).

(1) Ngày làm lễ lớn hoặc là đi nghe ca hát.

5.) Con phải quyết tâm rằng : khi mẹ cha quá vắng rồi, ta phải thường bố thí đến bực đáng thọ lãnh của tín thí tin lý hơn quả đem dâng cúng để hồi hướng phần quả phước đến mẹ cha kể từ ngày mẹ cha quá vắng được 3 ngày trở về sau (dakkhinam anupadassanu).

VẤN.— Mẹ cha phải đối với con như thế nào ?

ĐÁP.— Mẹ cha phải đối với con như thế, không phải vì tôn kính con đâu, đây là việc của mẹ cha phải tiếp độ đến con thôi.

VẤN.— Mẹ cha tiếp độ đến con có mấy điều ?

ĐÁP.— Mẹ cha tiếp độ đến con có 5 điều :

1.) Ngăn cấm không cho con làm việc dữ như là : không cho sát sanh, không cho trộm cắp (pāpanivārenti)

2.) Cho con làm nghiệp lành như là bố thí, trì giới (kalyāne nivārenti)

3.) Cho con học hành nghề nghiệp chữ nghĩa nên học (học chữ học toán) (sippam sikkhapenti).

4.) Lo dựng vợ gã chồng cho con vừa theo dòng dõi và của cải (patirupena darena saṃyojenti).

5.) Cho của cải đến con trong hai dịp :

a) Thường cho con xây dựng hoặc cho con làm phước.

b) Cho trong khi định đôi bạn cho con, hay là cho trong khi mình sắp chết (samaye dayajjāṃniyyā-denti).

VẤN.— Chồng đối với vợ có mấy điều ?

ĐÁP.— Chồng đối với vợ có 5 điều :

1.) Đối đãi, nói lời êm ái dịu ngọt với vợ (sammananaya).

2.) Không làm khổ khắc, khinh rẻ vợ như kẻ tội tó (avimananaya).

3.) Không bỏ lòng vợ (anaticariyaya) (1).

4.) Giao trọn quyền cho vợ làm chủ trong sự sắp đặt vật thực (issariyavosaggena)

5.) Sắm đồ trang sức cho vợ vừa theo của cải mình (alankaranuppadanena).

VẤN.— Vợ đối với chồng phải có mấy điều ?

ĐÁP.— Vợ đối với chồng phải có 5 điều là :

1.) Phân phát các việc nhứt là hết lòng lo việc cơm nước cho đúng thì giờ đã định (susamrihitakamanta).

2.) Tiếp độ bà con của chồng và của mình cho đồng nhau (susamgahitaparijana).

3.) Biết gìn giữ của cải mà chồng đã làm được (sambhatañca anurakkhati).

4.) Không bỏ bụng chồng (phải trinh tiết) (anaticarini).

5.) Làm người đàn bà thông hiểu các việc nhứt là lo cơm cháo, không lười biếng và làm cho các việc được kết quả tốt đẹp (dakkha ca hoti analasasabbakiccesu).

(1) Một lòng với vợ.

VẤN.— Cận-sự nam. Cận-sự nữ phải đối với ông thầy Samôn có mấy điều ?

ĐÁP.— Cận-sự nam, cận-sự nữ phải đối với ông thầy Samôn có 5 điều :

1.) Làm việc lành, thương là làm việc như đi thỉnh ngài nơi chùa, lấy vải lược, lược nước đem dâng và đấm bóp (1) cho ngài vì lòng tôn kính (mettena kaya-kammena).

2.) Nói lời lành thương, là nói như : thức tỉnh kẻ khác cho bố thí đến các ngài, lên tiếng tặng khen ngài khi dứt thời thuyết pháp và hết lòng thành thật trọng đãi các ngài (mettena vacikammena).

3.) Ý tưởng lành thương là, như tâm tính rằng : đối với các ngài thượng tọa hàng đến nhà chúng ta, « cầu cho các ngài được an vui » và hết lòng thành thật tôn trọng các ngài (mettena manokammena).

4.) Trạng thái người không đóng cửa nhà, là người siêng năng bố thí đến hàng Samôn khi thấy các ngài đến rồi, làm phước không than tiếc, đối với vật đã có, không nên nói là không có (anavatadvarataya).

5.) Có tư cách dâng cúng vật thực đến hàng Samôn (amisanuppadanena).

VẤN.— Cận-sự nam, cận-sự nữ phải làm đối với hàng Samôn như thế, còn Samôn có phận sự tiếp độ cận sự nam, cận sự nữ chăng ?

ĐÁP.— Samôn cũng phải có phận sự tiếp độ đến cận sự nam, cận sự nữ, do 6 pháp là :

1.) Ngăn cấm cự nam, cận sự nữ không

(1) Cận sự nam chỉ nên đấm bóp thôi.

cho làm những nghiệp xấu xa, như không cho sát sanh, trộm cắp (papanivarenti).

2.) Cho cận sự nam, cận sự nữ làm những nghiệp lành, nhưt là bố-thí, trì-giới (kalyane nivesenti).

3.) Tiếp độ cận sự nam, cận sự nữ, và rải tâm từ ái cho cận sự nam, cận sự nữ được an vui không có điều khổ não, buồn lo, bệnh tật (kalyanena manasa anukampanti).

4.) Cho cận sự nam, cận sự nữ nghe pháp chưa tường nghe (asutam saventi).

5.) Làm cho pháp mà cận sự nam, cận sự nữ đã nghe rồi cho được trong sạch, là giảng giải nghĩa lý pháp ấy cho thêm rõ rệt, cho đến khi cận sự nam, cận sự nữ hết điều nghi ngại.

6.) Chỉ đường trời cho cận sự nam, cận sự nữ, là chỉ cho biết rằng : người mà được thoát sanh về cõi trời vì thế lực của pháp lành nhưt là ngũ giới và thập thiện.

VẤN.— Tiếng nói « bālī » (1) ấy nghĩa như thế nào, có mấy cách, là cái chi ?

ĐÁP.— Tiếng « Bālī » dịch là cung dưỡng có 5 cách là :

1.) Cung dưỡng đến bà con là tiếp độ bà con bằng các vật, nên tiếp độ.

2.) Cung dưỡng đến khách mới đến, bằng các vật nên thọ.

(1) Tiếng phạm « Bālī » dịch là : cung dưỡng, nộp thuế, tiếp độ.

3.) Làm phước hồi hướng quả báo đến bà con đã quá vắng.

4.) Cung dưỡng đến vua là nộp thuế cho vua vì lòng ngay thiết.

5.) Cung dưỡng đến chư Thiên là làm phước hồi hướng quả báo đến chư Thiên, tương đến chư Thiên được thoát sanh làm vị trời do 5 đức tánh nhứt là đức tin.

Cả 5 cách cung dưỡng ấy, cư-sĩ nên hành cho được an vui trong đời này và đời sau.

VẤN.— Cư-sĩ phải làm cho có hai điều hữu ích ấy, vậy phải làm như thế nào ?

ĐÁP.— Hai điều hữu ích ấy là :

1.) Hữu ích trong đời hiện tại (ditthadham mi-kattha).

2.) Hữu ích trong đời vị lai (samparayikattha).

VẤN.— Hữu ích trong đời hiện tại có mấy điều ?

ĐÁP.— Hữu ích trong đời hiện tại có bốn điều là :

1.) Có đủ tánh siêng năng sắp đặt các việc mà mình phải làm, như nghề làm ruộng, lập vườn (utthana sampada).

2.) Có đủ sự gìn giữ của cải mà mình đã làm được, không cho tiêu-hoại vì lẽ gì, như bị lửa thiêu, trộm cắp và đồ bác (arak khasampada).

3.) Gần gũi cùng bạn lành, là bạn có đức-tin, trì-giới, bố-thí, trí huệ chơn-chánh (kalyanamittata).

4) Nuôi mạng cho bình đẳng, là làm có của cải nên xây xài theo sức, không cho thái quá phải cân phân cho đồng (samajivita).

VẤN. — Hữu ích trong đời sau có mấy điều ?

ĐÁP. — Hữu ích trong đời sau có 4 điều là :

1) Có đủ đức tin Tam-bảo, tin hơn tin quả (saddhasampada).

2) Có trì giới nhưt là ngũ giới (silasampada).

3) Có đủ sự bố-thí 4 vật dụng (y, vật thực....) đến hàng Samôn và Balamôn (cagasampada).

4) Có đủ trí-tuệ là sự hiểu biết chơn chánh (pannasampada).

Cả bốn điều hữu ích ấy, người nào đã làm rồi gọi là được bước lên đường đi qua đời sau, đến khi bỏ ngũ-uẩn này, sẽ đi được dễ dàng, ví như người đi theo đường đắp sạch sẽ, không bị điều khó khăn trở ngại.

Người nào không có 2 điều hữu-ích ấy, gọi là người không có mắt (andhapuggala) — Người nào chỉ có một điều hữu-ích hiện tại, gọi là người chỉ có một mắt (ekacakkhu) — Người có cả hai điều hữu-ích (hữu-ích hiện tại và hữu-ích vị-lai) gọi là người có 2 mắt (dvicakkhupuggala) xem thấy rõ cả hai bên (tã, hữu). Người đã được có hai điều hữu-ích ấy gọi là bậc thông minh, đúng theo Phật ngôn rằng :

Ditthedhamme ca yoattho yocatthosamparāyiko
atthābhisamayā dhiro paṇḍitoti pavuccati.

Nghĩa là : người biết (cả 2 điều) lợi ích, là : lợi ích trong đời này và lợi ích trong đời sau, gọi là người có trí tuệ vững chắc.

Dứt pháp cư sĩ, vấn đáp tóm tắt.



Pháp trích - lục

Người khó kiếm có 2 hạng :

- 1.) Người biết ơn.
- 2.) Người biết đền ơn.

Chỗ để rước người phá giới có hai :

- 1.) Địa-ngục — 2.) Súc sanh.

Chỗ để rước người có giới có 2 :

- 1.) Cõi trời — Cõi người.

Phật có 3 bậc :

- 1.) Phật giác-ngộ đều đủ nguyên-nhân (toàn-giác).
- 2.) Phật giác-ngộ một mình (độc giác hoặc duyên giác).
- 3.) Phật giác-ngộ theo Phật toàn giác (thinh-văn-giác).

Pháp có 3 phần :

- 1.) Pháp học (tam tạng).
- 2.) Pháp hành (giới, định, huệ).
- 3.) Pháp thành (Đạo, quả).

Phật-giáo có 3 :

- 1.) Phật dạy không cho làm các điều dữ (sabbapâpassaakaranam).
- 2.) Phật dạy làm đủ việc lành (kusalassupasampadâ).
- 3.) Phật dạy trao đời tâm cho trong sạch (sacitta-pariyodapanam).

Con có 3 hạng :

- 1.) Con thấp-hèn hơn cha mẹ.

Phận sự của Thiên-trí-thức có 3 :

- 1.) Bỏ của ra cho đến người nên cho (dāna).
- 2.) Xuất-gia để xa lánh điều dữ.
- 3.) Phụng sự cha mẹ (matapitupatthāna).

Cội phước có 3 :

- 1.) Tâm không ôm ấp của cải (alobha).
- 2.) Không nóng giận (adosa).
- 3.) Không lầm lạc (amoha).

Gốc tội có 3 :

- 1.) Tâm ôm-ấp của cải.
- 2.) Nóng giận.
- 3.) Lầm lạc.

3 điều bố-thí có phước báo :

- 1.) Của làm ra đúng theo phép.
- 2.) Có đủ 3 tác ý (tác ý vui thích trong khi tính làm phước, tác ý vui thích trong khi làm phước, tác ý vui thích sau khi đã làm phước).
- 3.) Cúng dường đến bậc nên cúng dường, là bậc tu hành chơn chánh.

Suy nghĩ quấy có 3 :

- 1.) Suy nghĩ trong ngũ-trần.
- 2.) Suy nghĩ trong sự thù-oán.
- 3.) Suy nghĩ trong sự làm hại.

Suy nghĩ phải có 3 :

- 1.) Suy nghĩ trong sự xa lánh ngũ-trần.
- 2.) Suy nghĩ trong sự không thù oán.
- 3.) Suy nghĩ trong sự không làm hại.

Tướng của người có đức-tin có 3 :

- 1.) Mong gặp bậc có giới hạnh trong sạch.
- 2.) Mong nghe Phật-Pháp.
- 3.) Dứt bỏ được sự bôn rít.

Trí tuệ có 3 :

- 1.) Trí-tuệ phát sanh do sự suy xét.
- 2.) Trí-tuệ phát sanh do sự nghe, học.
- 3.) Trí-tuệ phát sanh do sự tham-thiền.

Lành có 3 :

- 1.) Lành trong chận đầu tức là giới.
- 2.) Lành trong chận giữa tức là định.
- 3.) Lành trong chận cuối cùng tức là tuệ.

Hạnh của Bồ-tát có 3 (cariyā) :

- 1.) Hạnh độ đời.
- 2.) Hạnh độ thân quyến.
- 3.) Hạnh để giác-ngộ.

Mắt có 3 :

- 1.) Mắt thịt.
- 2.) Mắt thông.
- 3.) Mắt trí-tuệ.

A-la-hán có bốn bậc :

- 1.) A-la-hán dứt phiền-não do phép minh-sát.
- 2.) A-la-hán đắc 3 cái giác.
- 3.) A-la-hán đắc lục thông.
- 4.) A-la-hán đắc 4 cái giác phân tích.

4 hạng người :

- 1.) Người tối, có tối phía trước.
- 2.) Người tối, có sáng phía trước.
- 3.) Người sáng, có tối phía trước.
- 4.) Người sáng, có sáng phía trước.

4 hạng người không lành :

1.) Cư-sĩ thọ dụng ngũ-trần, lười-biếng, gọi là không lành.

2.) Bậc xuất gia không thu thúc gọi là không lành.

3.) Đức vua không suy xét trước, chỉ biết làm gọi là không lành.

4.) Người có trí-tuệ nhiều nóng giận, gọi là không lành.

4 hạng người không nên làm bạn :

1.) Bạn chỉ tính việc lợi-ích cho mình.

2.) Bạn chỉ tốt vì lời nói.

3.) Bạn chỉ làm vừa theo ý mình.

4.) Bạn dắc-dẫn trong sự hư-hại.

4 điều mong mỏi của người trong thế gian :

1.) Mong được của cải.

2.) Mong được danh-vọng phát sanh đến mình và đến bà con mình.

3.) Mong được sống lâu.

4.) Khi thác mong được về cõi trời.

4 điều ấy được kết quả do 4 pháp :

1.) đức tin, 2.) trì giới, 3.) bố thí, 4.) trí tuệ.

4 điều tây-vị :

1.) Tây vị vì thương.

2.) Tây vị vì ghét.

3.) Tây vị vì dốt nát.

4.) Tây vị vì sợ.

4 pháp tiếp độ :

- 1.) Cho vật dụng đến người nên cho.
- 2.) Nói lời dịu ngọt.
- 3.) Làm việc hữu-ích đến kẻ khác.
- 4.) Có tâm bình-đẳng (không phân giai cấp).

Thân-cận bậc thiện-trí-thức có 4 phước báo :

- 1.) Hằng làm cho giới được thanh cao.
- 2.) Hằng làm cho định được thanh cao.
- 3.) Hằng làm cho tuệ được thanh cao.
- 4.) Hằng làm cho sự giải thoát được thanh cao.

4 pháp làm cho trí-tuệ được tiến hóa :

- 1.) Gắn gũi với bậc thiện-trí-thức.
- 2.) Nghe pháp của ngài.
- 3.) Dùng trí-tuệ ghi nhớ pháp ấy.
- 4.) Hành theo pháp ấy.

4 điều hữu ích trong đời vị-lai :

- 1.) Có đức-tin.
- 2.) Có trì-giới.
- 3.) Có bố-thí.
- 4.) Có trí-tuệ.

4 điều tín-nguờng.

- 1.) Tin nghiệp.
- 2.) Tin quả của nghiệp.
- 3.) Tin rằng chúng sanh có nghiệp là của mình.
- 4.) Tin trí-tuệ giác-ngộ của đức Như-Lai.

4 nguyên nhân giáng thế (cayuta) của chư thiên :

- 1.) Giáng thế vì hết tuổi.

2) Giáng thể vì hết phước.

3) Giáng thể vì hết vật-thực.

4) Giáng thể vì nóng, giận.

4 cận phiền não (upakkilesa) của mặt trời mặt trăng :

1. Mây — 2. Mù - Sương — 3. Khói và bụi
4. Nhứt-thực, nguyệt-thực.

4 cận phiền não của vị Sa-môn :

1. Uống rượu — 2. Hành dâm — 3. Vui thích vàng bạc châu báu — 4. Tà kiến.

4 pháp chơn chánh của bậc thánh nhơn :

1) Thấy sự khổ là pháp chơn-chánh của bậc thánh nhơn.

2) Biết lòng ham muốn là nguyên-nhân sự khổ là pháp chơn chánh của bậc thánh nhơn.

3) Dứt lòng ham muốn là pháp của bậc thánh nhơn.

4) Thánh-đạo là pháp của bậc thánh-nhơn.

4 trí-tuệ :

1) Trí tuệ biết rõ trong sự khổ.

2) Trí tuệ biết rõ trong nguyên nhân sự khổ.

3) Trí tuệ biết rõ trong nơi dứt khổ.

4) Trí tuệ biết rõ trong đường đi đến nơi dứt khổ.

4 điều đắc thắng :

1) Thắng người giận bằng không giận.

2) Thắng người dữ bằng sự lành.

- 3) Thắng người rít róng bằng sự cho.
- 4) Thắng người nói dối bằng sự nói thiệt.

4 pháp của cư-sĩ :

- 1) Nói lời ngay thiệt.
- 2) Biết trau dồi tâm tánh.
- 3) Biết nhân-nhục.
- 4) Đem của mình cho đến người nên cho.

Người có đủ 4 pháp gọi là bậc trí tuệ :

1. Nghe — 2. suy xét — 3. hỏi — 4. viết, chép.

4 chi của bậc trí tuệ :

- 1) Biết ơn người đã làm đến mình.
- 2) Làm cho mình xa lánh khỏi tội.
- 3) Làm cho người khỏi tội.
- 4) Tiếp độ người nên tiếp độ.

4 điều khó :

- 1) Khó được sanh làm người.
- 2) Khó được nuôi mạng dễ dàng.
- 3) Khó được nghe pháp.
- 4) Khó được giác ngộ làm Phật.

5 Phật sự :

- 1) Ngài đi khất thực trong buổi sáng.
- 2) Ngài thuyết pháp trong buổi chiều.
- 3) Ngài chỉ dạy các tỳ-khưu trong buổi tối.
- 4) Ngài đáp câu hỏi của chư thiên vào canh khuya.
- 5) Ngài suy xét, xem duyên lành của chúng sanh nên giác ngộ hoặc không nên giác ngộ, lúc tam canh.

5 thời bố thí :

- 1.) Cho đến người mới đến.
- 2.) Cho đến người sắp đi.
- 3.) Cho đến người bệnh.
- 4.) Cho trong khi đói khát.
- 5.) Cho trái cây hoặc vật chi mới có đầu tiên.

5 điều bố thí của bậc thiện trí thức :

- 1.) Cho do đức tin — 2.) Cho do tôn trọng.
- 3.) Cho do theo thời — 4.) Cho do quyết tâm tế độ — 5.) Cho do không hại mình và không hại người.

5 điều bố thí của bậc thiện-trí-thức :

- 1.) Cho do trọng vật cho.
- 2.) Cho do trọng vật cho và trọng người lãnh.
- 3.) Cho do tay mình.
- 4.) Không cho như người liệng bỏ.
- 5.) Cho do đức tin rằng sẽ được thọ quả phước của sự bố thí.

5 điều bố thí của kẻ vô trí thức :

- 1.) Cho do không trọng vật cho.
- 2.) Cho do không trọng vật cho và người lãnh.
- 3.) Không cho do tay mình.
- 4.) Cho như người liệng bỏ.
- 5.) Cho do tin rằng không được thọ quả phước.

5 phước báo của sự bố thí và trì giới :

- 1.) Được nhiều người thương yêu trọng đãi.
- 2.) Hàng thiện-trí-thức hằng vui lòng trọng đãi.

- 3.) Danh thơm đồn xa đến các hướng.
- 4.) Được tươi tỉnh trong chỗ đô hội.
- 5.) Đến khi tan rả ngủ uân, được thoát sanh trong cảnh vui.

5 chi của bậc pháp sư :

- 1.) Thuyết pháp theo thứ tự, không cho đứt đoạn.
- 2.) Vịn nhân quả dắc dần cho thính-giả vừa lòng.
- 3.) Phát lòng thương xót, muốn cho có điều hữu-ích đến người nghe.
- 4.) Không thuyết pháp vì mong được lợi (lễ vật, lời khen).
- 5.) Không thuyết pháp vì hại mình và hại người.

5 phước báo của sự nghe pháp :

- 1.) Hằng được nghe pháp mà mình chưa từng nghe.
- 2.) Hằng làm cho mình được nhớ rõ rệt đến pháp đã quen nghe.
- 3.) Hằng được phá sự hoài nghi.
- 4.) Hằng làm cho sự hiểu biết được chơn chánh.
- 5.) Tâm của người nghe pháp hằng được trong sạch.

5 phước báo của sự nhin nhục :

- 1.) Được nhiều người vừa lòng.
- 2.) Ít bị người thù oán.
- 3.) Ít phạm điều tội lỗi.
- 4.) Không mê loạn trong khi chết.
- 5.) Khi thác hằng được thoát sanh trong cõi vui.

5 điều làm cho người phải sa địa ngục (1).

- 1.) Không có đức tin (Tam-bảo).
- 2.) Không hổ thẹn (tội lỗi).
- 3.) Không ghê sợ (tội lĩi).
- 4.) Lười biếng.
- 5.) Không có trí tuệ.

5 điều không thu thúc làm cho phát sanh phiền não :

- 1.) Không có đức tin.
- 2.) Không có nhân nhục.
- 3.) Lười biếng.
- 4.) Không có trí nhớ.
- 5.) Dốt nát.

5 tội nặng (phải chịu quả khổ nhân tiền) :

- 1.) Giết mẹ.
- 2.) Giết cha.
- 3.) Giết A-la-hán.
- 4.) Chích máu đức Phật.
- 5.) Chia rẽ tăng-đà.

5 pháp chướng ngại :

- 1.) Vui thích trong ngũ trần.
- 2.) Thù oán, muốn làm hại người.
- 3.) Buồn ngũ, dă dươi.
- 4.) Tâm phóng túng, buông lung không định.
- 5.) Hoài nghi, ngờ vực.

(1) Trái lại thì được về cõi trời.

5 điều sanh pháp chương ngại :

- 1.) Thấy sắc rồi cho là đẹp.
- 2.) Tâm bức bội, bức tức.
- 3.) Không vui thích lười biếng và mê ăn.
- 4.) Tâm không yên lặng.
- 5.) Không dùng trí tuệ ghi nhớ trong tâm.

5 nguyên nhân làm cho phát sanh yếu thọ (1) :

- 1.) Không làm cho vui lòng (theo lẽ chánh).
- 2.) Không biết tiết-độ trong sự vui.
- 3.) Dùng vật thực, chất lửa làm cho tiêu hóa không kịp.
- 4.) Đi chơi sai giờ — 5.) Mê dâm.

Thiền định có 5 chi :

- 1.) Tầm (tìm bắt đề mục thiền-định).
- 2.) Sát (suy xét đề mục thiền-định).
- 3.) Phỉ (thân tâm no vì vui thích trong mùi đạo).
- 4.) An-lạc (thâm tâm an vui).
- 5.) Định (tâm an trụ vững vàng trong đề mục thiền-định).

5 chi thiền tương phản với 5 pháp chương ngại :

- 1.) Định tương phản với tham dục.
- 2.) Phỉ tương phản với thù oán.
- 3.) Tầm tương phản với hôn trầm.
- 4.) An-lạc tương phản với phóng dật.
- 5.) Sát tương phản với hoài nghi.

(1) Trái lại thì được trường thọ.

5 thứ phỉ (pīti) :

- 1.) Lông và da mình đều nổi ốc.
- 2.) Như thấy ánh sáng trời chớp trước mắt.
- 3.) Thân như bị sóng đánh.
- 4.) Thân tâm nhẹ nhàn như bay bổng.
- 5.) Cả thân tâm đều mát mẻ.

5 pháp thuần thực (vasī) :

- 1.) Thuần thực trong sự nhớ chi thiền.
- 2.) Thuần thực trong khi nhập thiền.
- 3.) Thuần thực trong tâm nguyện để gìn giữ thiền cho bền chắc.
- 4.) Thuần thực trong sự xuất thiền.
- 5.) Thuần thực trong sự suy xét chi thiền trong khi xuất thiền.

5 điều an vui :

- 1.) An vui vì chỗ ở — 2.) An vui vì mùa tiết.
- 3.) An vui vì vật thực — 4.) An vui vì bậc thiền trí-thức — 5.) An vui vì nghe phép.

5 pháp làm cho sự giải thoát thêm tiến hóa (vimutti) :

- 1.) Có bạn lành.
- 2.) Có giới trong sạch.
- 3.) Nói mười lời trong sạch — 4.) Có tinh tấn.
- 5.) Có nhiều trí-tuệ.

5 điều tưởng làm cho sự giải thoát thêm tiến hóa :

- 1.) Tưởng về sự vô thường (của vạn vật).
- 2.) Tưởng về sự khổ trong pháp vô thường.
- 3.) Tưởng về vô ngã (không có vật chi là của ta, trong pháp có sự khổ).
- 4.) Tưởng trong sự dứt bỏ (thế sự).
- 5.) Tưởng trong sự chán nản (thế sự).

5 pháp kinh động cần phải quán tưởng thường thường (abhiñhapaccavekkhana).

- 1.) Quán tưởng sự già yếu.
- 2.) Quán tưởng sự đau ốm.
- 3.) Quán tưởng sự chết.
- 4.) Quán tưởng sự chia lìa.
- 5.) Quán tưởng cái nghiệp mình đã làm.

5 pháp đại-thí (mahāpariccāga).

- 1.) Thí thân thể, tứ chi — 2.) Thí của.
- 3.) Thí con — 4.) Thí vợ — 5.) Thí mạng sống.

5 điều cầu xin của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là đệ-tử nghịch đức Phật.

- 1.) Xin cho tỳ-khưu ở trong rừng, đến trọn đời.
- 2.) Xin cho tỳ-khưu đi khát thực đến trọn đời.
- 3.) Xin cho tỳ-khưu mặc y dơ lượm được đến trọn đời.
- 4.) Xin cho tỳ-khưu ở tu dưới cội cây đến trọn đời.
- 5.) Xin không cho tỳ khưu ăn cá, ăn thịt đến trọn đời.

(5 điều cầu xin ấy đức Phật không nhận cho)

6 đức tánh của bậc hướng đạo :

- 1.) Có sự nhịn-nhục.
- 2.) Có sự thức tỉnh thường thường.
- 3.) Có sự tinh tấn — 4.) Có sự bố thí.
- 5.) Có tâm từ bi.
- 6.) Có sự kinh nghiệm, suy xét.

7 pháp làm cho sanh ra đức Thiên-đế (Ngọc-Hoàng) :

- 1.) Phụng sự cha mẹ.
- 2.) Tôn kính bậc trưởng thượng trong họ.
- 3.) Nói lời dịu ngọt — 4.) Dứt bỏ lời đâm thọc.
- 5.) Dứt trừ lòng rít róng.
- 6.) Nói lời ngay thiệt.
- 7.) Đè nén nóng giận không cho phát sanh.

7 chi của người bạn nên gần gũi :

- 1.) Cho vật mà khó cho.
- 2.) Làm việc mà người khó làm.
- 3.) Nhịn nhục với việc hoặc với nhân mà người khó nhịn.
- 4.) Nói sự kín với bạn.
- 5.) Giấu sự kín của bạn.
- 6.) Không bỏ nhau trong lúc có tai nạn, hoặc trong khi suy sụp.
- 7.) Khi bạn nghèo nàn, cũng không khinh rẻ.

7 pháp của bậc thiện-trí-thức, là người :

- 1.) Biết nhân (biết nhân nào sanh ra quả nấy) :

- 2.) Biết quả (biết quả sanh ra có do nhân).
- 3.) Biết mình (biết trình độ mình).
- 4.) Biết tiết độ (biết tiết độ trong sự ăn uống).
- 5.) Biết thì giờ (biết giờ nào nên làm việc gì).
- 6.) Biết người (biết người trong khi hội họp).
- 7.) Biết người cao, thấp (biết lựa người để thân cận).

7 món báu :

- 1.) Tin điều nên tin.
- 2.) Trì giới.
- 3.) Hồ thẹn tội lỗi, hồ thẹn nghiệp dữ.
- 4.) Ghê sợ tội lỗi, ghê sợ nghiệp dữ.
- 5.) Người được học nhiều, nghe nhiều.
- 6.) Cho của đến người nên cho.
- 7.) Có trí-tuệ.

7 chi sáng suốt :

- 1.) Trí nhớ.
- 2.) Suy xét pháp.
- 3.) Tinh tấn.
- 4.) Phí lạc.
- 5.) Yên lặng.
- 6.) Thiên định.
- 7.) Xã.

8 hạng người điên.

- 1.) Điên vì ngủ trần.
- 2.) Điên vì giận.
- 3.) Điên vì hiểu quấy.
- 4.) Điên vì lầm lạc.
- 5.) Điên vì bị quỷ nhập.
- 6.) Điên vì mất cử động.
- 7.) Điên vì rượu.
- 8.) Điên vì bị hư hại.

8 điều hư hại (apayamukha) :

- 1.) Người chơi gái.
- 2.) Người uống rượu.

- 3.) Người ăn chơi.
- 4.) Người đồ bác.
- 5.) Người có bạn dữ.
- 6.) Người lười biếng.
- 7.) Người đi chơi đêm.
- 8.) Người đi xem hát múa, nghe ca nhạc.

8 điều để đoán xét cho biết không phải là Pháp Luật của Phật (1) :

- 1.) Pháp, người hành theo cho phát sanh tình dục.
- 2.) Pháp, người hành theo cho phát sanh sự khổ.
- 3.) Pháp, người hành theo cho phát sanh phiền não.
- 4.) Pháp, người hành theo cho phát sanh ham muốn nhiều.
- 5.) Pháp, người hành theo cho phát sanh sự không có trí - tuệ.
- 6.) Pháp, người hành theo cho phát sanh sự chung chạ.
- 7.) Pháp, người hành theo cho phát sanh sự lười biếng.
- 8.) Pháp, người hành theo cho phát sanh sự khó nuôi mạng.

Phụ nữ khinh rẽ chồng có 8 nguyên nhân.

- 1.) Vì chồng là người nghèo hèn.
- 2.) Vì chồng là người hay đau ốm.
- 3.) Vì chồng là người già yếu.
- 4.) Vì chồng là người uống rượu.

(1) Pháp ấy đức Phật giải cho bà Gantamī (di mẫu Phật) nghe.

- 5.) Vì chồng là người dốt nát.
- 6.) Vì chồng là người dề duôi.
- 7.) Vì chồng là người không làm các công việc.
- 8.) Vì chồng là người không làm ra của cải.

Dâm phụ vì 9 nguyên nhân :

- 1.) Phụ nữ hay đi chơi nơi vườn, ruộng.
- 2.) Phụ nữ hay đi chơi nơi vườn bông.
- 3.) Phụ nữ hay đi chơi nơi bến nước.
- 4.) Phụ nữ hay đi chơi nơi nhà bà con.
- 5.) Phụ nữ hay đi chơi nơi nhà người khác.
- 6.) Phụ nữ hay đi tìm vật trang điểm.
- 7.) Phụ nữ hay uống rượu.
- 8.) Phụ nữ hay ngó theo lỗ key, vách cửa sổ.
- 9.) Phụ nữ hay đi đứng chơi gần xóm.

10 điều phát sanh phước báo :

- 1.) Phước sanh do bố thí.
- 2.) Phước sanh do trì giới.
- 3.) Phước sanh do thiên định.
- 4.) Phước sanh do sự tôn trọng người nên tôn trọng.
- 5.) Phước phát sanh do giúp đỡ trong sự am phước.
- 6.) Phước phát sanh do sự hồi hướng.
- 7.) Phước phát sanh do hoan hỷ với phần phước.
- 8.) Phước phát sanh do nghe pháp.
- 9.) Phước phát sanh do thuyết pháp.
- 10.) Phước phát sanh do sự làm cho kiến thức được chơn chánh.

Người giận hờn kiểm chuyện làm hại kẻ không giận, hằng chịu 10 sự khổ trong kiếp hiện tại :

- 1.) Phải bị khổ nặng nề.
- 2.) Hao tổn của cải.
- 3.) Phải bị hư hại thân thể.
- 4.) Phải mang bệnh nặng.
- 5.) Phải bị điên cuồng.
- 6.) Phải bị nhà nước trừng phạt.
- 7.) Phải mang lời nói nặng nề.
- 8.) Phải bị chia lìa bà con.
- 9.) Phải bị sa sụp, hèn hạ.
- 10.) Nhược bằng không thì bị lửa cháy nhà.

10 điều buộc trói :

- 1.) Mẹ — 2.) Cha — 3.) Vợ — 4.) Con — 5.) Bà con — 6.) Bạn — 7.) Cửa — 8.) Lợi, lộc, — 9.) Danh-vọng — 10.) Ngũ trần.

Đức tin là phần đầu tiên của 12 đức tánh :

- 1.) Người có đức tin hằng đi tìm bậc trí-tuệ.
- 2.) Khi đã tìm được rồi hằng vào ngồi gần.
- 3.) Khi đã được ngồi gần rồi, hằng lóng tai.
- 4.) Khi đã lóng tai rồi hằng nghe pháp.
- 5.) Khi đã nghe rồi, hằng ghi nhớ pháp.
- 6.) Khi đã ghi nhớ nghĩa lý rồi hằng phân biện nghĩa lý.
- 7.) Khi đã phân biện nghĩa lý rồi nên thâm xét.
- 8.) Khi đã thâm xét rồi, sự vừa lòng sẽ phát sanh.

9.) Khi sự vừa lòng đã phát sanh, thì phát tâm tinh tấn.

10.) Khi đã phát tâm tinh tấn, hằng so sánh coi.

11.) Đến khi so sánh coi rồi, hằng phấn khởi tâm.

12.) Khi đã phấn khởi tâm rồi, thì thật hành theo.

CHUNG